**Ngày soạn………..**

**BÀI 5: BĂN KHOĂN TÌM LẼ SỐNG**

**(BI KỊCH)\_(11 tiết)**

(Đọc và thực hành tiếng Việt: 8 tiết; viết: 2 tiết; nói và nghe: 1 tiết)

1. **MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Kiến thức:**

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

+ Phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.

+ Học sinh thực hành bài tập về những đặc điểm của ngôn ngữ viết.

+ Học sinh vận dụng hiểu và sử dụng đúng, hay đặc điểm của ngôn ngữ viết

+ Học sinh vận dụng hoàn thành bài tập đặc điểm của ngôn ngữ viết

1. **Năng lực**

Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc viết nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

1. **Phẩm chất:**

Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**PHẦN 1: DẠY ĐỌC**

**Tiết: ….**

**VĂN BẢN 1: VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI**

**(Trích Vũ Như Tô)**

**Nguyễn Huy Tưởng**

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc, chủ đề.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

**2. Năng lực**

Năng lực giải quyết vấn đề và sang tạo, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:**

Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, ...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV chia sẻ hình ảnh:  THỂ VĂN HỌC KỊCH | VĂN HỌC VIỆT NAM  GV đặt câu hỏi: *Em đã bắt gặp hình ảnh này bao giờ chưa? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hình ảnh.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Học sinh xem, lắng nghe câu hỏi của GV, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài học mới: *Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô...Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay - bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông.* | - Hình ảnh biểu tượng mặt nạ hài kịch và bi kịch  - Kịch là một môn nghệ thuật [sân khấu](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%A2n_kh%E1%BA%A5u), một trong ba phương thức phản ánh hiện thực của [văn học](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc).  - Thuật ngữ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là "hành động", kịch tính. Là sự kết hợp giữa 2 yếu tố bi và hài kịch.  - Mặc dù kịch bản văn học vẫn có thể đọc như các tác phẩm văn học khác, nhưng kịch chủ yếu để biểu diễn trên sân khấu. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

**NỘI DUNG 1: HÌNH THÀNH TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được nội dung chủ đề *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài *Băn khoăn tìm lẽ sống*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và nêu lên các yếu tố của của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc…  - Sa đó, chọn và nối hai cột tương ứng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS nghe GV yêu cầu, sau đó đọc thông tin trong SGK, phát biểu trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời đại diện trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức ngữ văn**  **1. Bi kịch** là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật.  **2. Hành động trong bi kịch** là hệ thống hành động của các nhân vật được tổ chức và kết nối lại, tạo nên sự phát triển của cốt truyện bi kịch.  - Hành động của các nhân vật bi kịch, cũng như hành động của nhân vật kịch nói chung, thường được phân thành hai dạng chính: các hành động bên ngoài (lời nói, cư xử, hoạt động) và hành động bên trong (sự chuyển biến nội tâm, các độc thoại nội tâm).   1. **Cốt truyện bi kịch** là tiến trình của các sự việc, biến cố trong câu chuyện kịch được tổ chức tạo nên sự phát triển xung đột, cũng như sự phát triển hành động và tính cách các nhân vật.   - Đó thường là một chuỗi các sự kiện dẫn đến những tổn thất, đau thương trong cuộc đời nhân vật chính (từ đỉnh cao danh vọng, quyền uy, hạnh phúc... đến cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật).   1. **Xung đột bi kịch** là nhân tố tổ chức tác phẩm kịch, thể hiện sự va chạm, đấu tranh, loại trừ giữa các thế lực đối lập giữa các mặt khác nhau của cùng một tính cách, giữa các tính cách nhân vật khác nhau, hoặc giữa tính cách nhân vật với hoàn cảnh.   - Xung đột bi kịch thường nảy sinh giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém hoặc giữa khát vọng cao cả với số phận khắc nghiệt.   1. **Nhân vật chính của bi kịch** thường có bản chất tốt đẹp, có khát vọng vượt lên và thách thức số phận, nhưng cũng có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá.   - Những nhược điểm, sai lầm đó sẽ buộc nhân vật phải trả giá rất đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời của mình và những gì mình trân trọng.   1. **Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch**   - Những chấn động cảm xúc mạnh mẽ mà bi kịch gây nên trong tâm hồn khán giả là cơ sở tạo nên hiệu ứng thanh lọc của thể loại này.  - Thoạt tiên, bi kịch khiến khán giả thương xót trước số phận bi đát của một con người vốn cao quý, tốt đẹp; sợ hãi trước cái chết, trước những mất mát khủng khiếp.  - Tuy nhiên, sâu xa hơn, bi kịch khiến khán giả nhận ra, thức tỉnh và đồng cảm trước những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời; đau đớn trước sự huỷ diệt những giá trị đó.  - Từ đây, họ có thể giải tỏa sự xót thương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn tới cái cao cả, phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.  **7. Chủ đề chính và chủ đề phụ:** Trong những tác phẩm văn học cỡ lớn (truyện lịch sử, truyện thơ, tiểu thuyết, hay kịch bản văn học... gồm nhiều phần, nhiều chương khúc) thường có nhiều chủ đề. Trong đó, có một chủ đề chính và một số chủ đề phụ xoay quanh chủ đề chính. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN - VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được những nét cơ bản về tác giả, văn bản.

**b. Nội dung:** HS quan sát, chắt lọc thông tin trong SGK để trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm học tập**  - GV cho HS xem video về nhà văn Nguyễn Huy Tưởng theo đườnglink sau:  <https://www.youtube.com/watch?v=iQteO7rc2fE>  - GV cho HS xem 1 đoạn trong vở bi kịch Vũ Như Tô theo đường link sau:  <https://www.youtube.com/watch?v=WnfSXQlErbA>  - GV phát PHT số 2, yêu cầu HS hoàn thành PHT.  ***Phiếu học tập số 2 : thảo luận cặp đôi và thực hiện những yêu cầu sau đây***  - Trình bày nét chính về tác giả Nguyễn Huy Tưởng?  - Tóm tắt vở kịch *Vũ Như Tô*?  - Nêu xuất xứ của đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  -Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê Hà Nội.  - Ông là nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng ở Việt Nam.  - Ông là cha đẻ của những vở kịch nổi tiếng như: Vũ Như Tô, Bắc Sơn, Sống mãi với Thủ đô,…  **2. Văn bản**  **a. Tóm tắt vở kịch: SGK**  **b. Đoạn trích:**  - *"Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"* thuộc hồi V, hồi cuối của tác phẩm.  - Xoay quanh việc binh lính, dân chúng đốt Cửu Trùng Đài, giết Đan Thiềm, Vũ Như Tô. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẦM** |
| Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm để HS tìm hiểu về văn bản. HS theo dõi câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời.  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu một số yếu tố của bi kịch (xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, chủ đề) -** Nhóm 1,3 : Nhóm nhạc sĩ, nhà thơ.  **Nhiệm vụ 2: Phân tích chi tiết tiêu biểu, đề tài, sự kiện -** Nhóm 2,4: Nhóm họa sĩ, nhà văn.  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  HS theo dõi câu hỏi trong PHT, thảo luận nhóm và trả lời.  **Nhóm 1,3 : Nhóm nhạc sĩ, nhà thơ**  + *H*ãy xác định những xung đột cơ bản của tác phẩm.  + Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Đan Thiềm, Vũ Như Tô trước tình huống bạo loạn nguy hiểm đối với sinh mệnh của Cửu Trùng Đài và đối với bản thân họ.  +Cho biết Vũ Như Tô mang những đặc điểm nào của nhân vật chính của bi kịch.  + Nhận xét về ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm qua các lớp kịch.  + Theo em, bi kịch Vũ Như Tô là tác phẩm có một chủ đề hay nhiều chủ đề? Điều đó đã được thể hiện trong Hồi V (Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài) như thế nào?  **Nhóm 2,4: Nhóm họa sĩ, nhà văn**  **+** Bạn hình dung thế nào về công trình “Cửu Trùng Đài” mà Vũ Như Tô đang xây dựng dở dang?  +Việc xây dựng công trình ấy có phải là nguyên nhân chính gây nên bạo loạn và kết cuộc bi thảm ở cuối Hồi V hay không? Vì sao?  **+**Thể loại bi kịch thường kết thúc với cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật. Từ đoạn kết của bi kịch Vũ Như Tô, hãy chỉ ra những mất mát mà nhân vật chính phải gánh chịu.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV mời 1 HS đại diện các nhóm trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác đánh giá qua bảng kiểm   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Có** | **Không** | | ***Nội dung*** | Trả lời đầy đủ các câu hỏi |  |  | | Nội dung thuyết trình tốt |  |  | | ***Hình thức*** | Bố cục hợp lý, rõ ràng, dễ theo dõi |  |  | | Chữ đúng chính tả, văn phạm, kích thước chữ dễ nhìn |  |  | | Trình bày đẹp, hấp dẫn |  |  | | ***Cách thuyết trình*** | Phong cách thuyết trình tự tin, linh hoạt, năng động, cuốn hút |  |  | | Nắm vững nội dung thuyết trình, tập trung làm sang tỏ vấn đề |  |  |   **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Khám phá văn bản**  **1.** **Một số yếu tố của bi kịch**  **a.** **Những xung đột cơ bản của tác phẩm.**  - Mâu thuẫn 1: giữa tầng lớp phong kiến >< nhân dân lao => Mâu thuẫn vốn có từ trước, đến khi Lê Tương Dực bắt Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài thì nó biến thành xung đột căng thẳng, gay gắt.  - Mâu thuẫn 2: giữa Vũ Như Tô >< những người phu phen bị bắt bớ, phu dịch để xây Cửu Trùng Đài ⇒ nghệ thuật cao siêu >< đời sống hiện thực của con người.  **b.Điểm tương đồng, khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Đan Thiềm, Vũ Như Tô trước tình huống nguy hiểm**  **-**Tương đồng:  + Yêu cái đẹp, hiểu rõ giá trị của Cửu Trùng Đài, xem nhau là tri kỉ.  + Cả hai đều ngạc nhiên trước thái độ, hành động của dân.  - Khác biệt:  **+ Đan Thiềm:**hiểu được tình thế hiện tại, lo lắng, giục Vũ Như Tô bỏ chạy để bảo toàn tính mạng, sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ người tài.  **+ Vũ Như Tô:**bình tĩnh, tin vào bản thân “quang minh chính đại”, hy vọng sẽ thuyết phục được bọn phản loạn.  **c. Vũ Như Tô mang đặc điểm của nhân vật chính của bi kịch.**  **- Có khát vọng, yêu cái đẹp, muốn xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nên một vẻ đẹp cao quý cho dân tộc.**  **- Có quyết định sai lầm khi đồng ý xây dựng Cửu Trùng Đài khiến nhân dân rơi vào cực khổ, lầm than.**  **=>  Vũ Như Tô phải trả giá đắt bằng chính mạng sống của mình.**  **d. Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm qua các lớp kịch.**  **-**Văn bản chủ yếu là đối thoại  + thể hiện sinh động tình huống xung dột, hành động, tính cách của nhân vật  + tạo không khí, nhịp điệu của cuộc sống trong cơn bạo loạn.  **e. Chủ đề trong bi kịch Vũ Như Tô**  - Bi kịch Vũ Như Tô có nhiều chủ đề.  + Chủ đề 1: Phản ánh mâu thuẫn giữa triều đình với phe khởi loạn; giữa nhân dân với hôn quân bạo chúa Lê Tương Dực.  + Chủ đề 2: Thể hiện tình cảnh ngang trái và số phận bi thương của người nghệ sĩ giàu tài năng, khát vọng nhưng bị dân chúng, người đời hiểu lầm và oán giận.  + Chủ đề 3: Ngợi ca những tâm hồn tri kỉ.  **2. Chi tiết tiêu biểu, đề tài, sự kiện**  **a. Công trình “Cửu Trùng Đài” mà Vũ Như Tô đang xây dựng dở dang**  **-**Là một công trình kiến trúc kì vĩ, siêu đẳng.  - Để hoàn thành công trình đó phải có kiến trúc sư kì tài, những người thợ giỏi và sẽ phải huy động rất nhiều tiền bạc, nhân công, vật lực,...  **b. Cửu Trùng Đài có phải “là nguyên nhân gây nên bạo loạn và kết cuộc bi thảm ở cuối Hồi V**  - Nhìn từ quan hệ giữa dân chúng (thợ xây đài) với hỗn quân bạo chúa hay Vũ Như Tô thì Cửu Trùng Đài chính là nguyên nhân khiến họ nổi dậy.  - Nhìn từ quan hệ giữa triều đình và phe nổi loạn thì Cửu Trùng Đài là bằng chứng để kết tội triều đình, là cái cớ để họ gây bạo loạn.  => Như vậy việc xây dựng công trình này là nguyên nhân chính gây nên bạo loạn và kết cục bi thảm ở cuối Hồi V.  **c. Mất mát Vũ Như Tô phải gánh chịu**  - Bị dân chúng – thợ xây đài hiểu lầm, oán thán: mất lòng dân.  - Bị phe phản nghịch và người đời kết tội oan, là “gian phu dâm phụ”, là tội đồ làm hao hụt công khổ, để dân gian lầm than”: mất danh dự.  - Mất Đan Thiêm: mất người tri kỉ.  - Cửu Trùng Đài bị đốt thành tro bụi: mộng lớn tiêu tan  - Bị giải ra pháp trường: mất mạng sống.  ***=> Ông rơi vào tình cảnh bi đát tột cùng, mất tất cả*** => *kết thúc quen thuộc ở thể loại bi kịch*. |

**2.3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Nhận xét và đánh giá được những đặc sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật của** văn bản.

**b. Nội dung:** HS xâu chuỗi các kiến thức đã học ở trên thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn  - Hãy nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, thảo luận và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật thuần túy cao siêu muôn đời với lợi ích thiết thân và trực tiếp của nhân dân.  **2. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ kịch điêu luyện, giàu màu sắc cổ điển, thể hiện cảm xúc cao độ.  - Khắc họa thành công tính cách tâm trạng nhân vật.  - Xây dựng xung đột kịch có cao trào, thắt nút. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”*  đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đưa ra được các phương án đúng theo nội dung đã học của văn bản “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa câu hỏi trắc nghiệm (từ 3-5 câu) yêu cầu học trả lời nhanh**  **Câu hỏi 1:** Trong những lời của mình (Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt!) của trích đoạn Vĩnh biêt Cửu Trùng Đài của Nguyễn Huy Tưởng, Đan Thiềm đã bái biệt Vũ Như Tô và cầu xin cùng ông vĩnh biệt gì?  *a. Cùng vĩnh biệt cuộc đời.*  *b. Cùng vĩnh biệt mộng lớn.*  *c. Cùng vĩnh biệt Cửu trùng đài.*  *d. Cùng vĩnh biệt nhau.*  **Câu hỏi 2:** Dòng nào sau đây diễn đạt đúng nhất ý nghĩa đối nghịch hàm chứa ngay trong công trình nghệ thuật Cửu Trùng Đài, tất yếu làm nảy sinh bi kịch của người trí thức – nghệ sĩ Vũ Như Tô?  *a. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc bền vững, vĩnh cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa.*  *b. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ vừa là hiện thân cho cái đẹp dở dang.*  *c. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc tuyệt tác, kì vĩ, bền vững hoàn hảo cửu vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa, nhất thời, dở dang.*  *d. Cửu Trùng Đài vừa là hình ảnh của một công trình kiến trúc hoàn hảo vừa là hiện thân cho cái đẹp xa hoa.*  **Câu hỏi 3:** Tình tiết nào trong các tình tiết sau cho thấy nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh bi kịch (vỡ mộng) của Vũ Như Tô?  *a. Lợi dụng tình huống rối ren, Trịnh Duy Sản cầm đầu một phe cánh phản nghịch trong triều dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ thuyền làm phản.*  *b. Có tin binh biến, bạo loạn trong cung vua đe doạ sinh mạng Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài, Đan Thiềm hết lòng khuyên Vũ Như Tô đi trốn, Vũ Như Tô một mực không nghe.*  *c. Lê Tương Dực cùng hoàng hậu, đại thần bị giết hoặc tự tử; lũ cung nữ và bọn nội dám nháo nhào tìm cách thoát thân.*  *d. Cửu Trùng Đài bị thiêu huỷ, Đan Thiềm hết lời xin tha và xin được chết thay cho Vũ Như Tô không được, nàng bị bắt đi hành hình, còn Vũ Như Tô đau đớn vĩnh biệt Cửu Trùng Đài và bình thản ra pháp trường.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe GV yêu cầu, suy nghĩ và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | Đáp án:  [1]='c'  [2]='c'  [3]='a' |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”* để viết đoạn văn khoảng 150 chữ.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết đoạn văn nghị luận xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** bài làm tại lớp của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS viết 1 đoạn văn khoảng 150 chữ bàn về khát vọng và tham vọng của con người trong cuộc sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động**  GV nhận xét, đánh giá và cho điểm. | **Gợi ý:**  **1. Giải thích ý nghĩa của hai từ "khát vọng" và "tham vọng"**  **2. Bàn luận về "khát vọng" và "tham vọng"**  **3. Mở rộng vấn đề**  **4.** Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận và liên hệ bản thân. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”* .

+ Soạn bài: *“Sống hay không sống – Đó là vấn đề”* (Trích Hăm-lét) – Sếch-xpia.

Ngày soạn: ………..

Tiết:………………..

**VĂN BẢN 2**

**SỐNG HAY KHÔNG SỐNG – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ**

**(Trích *Hăm – lét* (Hamlet))**

**Sếch-xpia (Sheakespeare)**

**Thời gian thực hiện: 2,5 tiết**

# **I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**- Về kiến thức:**

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

- **Về năng lực:** phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác; phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học.

- **Về phẩm chất:** trân trọng lẽ sống cao đẹp, có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

# **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu:**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên, Sách bài tập.

- Một số tranh ảnh có trong sách giáo khoa được phóng to, ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do giáo viên chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm, văn bản đọc.

- Các phiếu học tập; bảng tóm tắt một số đặc điểm của thể loại truyện và lưu ý về cách đọc.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm.

**2. Phương tiện:**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các phiếu học tập, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho học sinh.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của học sinh) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để học sinh trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

# **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** | | |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  - Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân HS với nội dung của văn bản.  - Bước đầu dự đoán được nội dung của văn bản.  - Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.  **b. Nội dung thực hiện**:  - Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh về nội dung dự đoán của văn bản  - HS chia sẻ câu trả lời của bản thân.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  \* GV cho HS xem phim: trích đoạn “*Xuý Vân giả dại”*  🡪 Yêu cầu: **Theo em, trong ngôn ngữ giao tiếp,cách nói năng, ứng xử giữa một người điên (hay giả điên) với một người bình thường khác nhau như thế nào?** **Hãy chia sẻ ý kiến với các bạn trong lớp**.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo yêu cầu.  - Phương pháp: Nêu ý kiến lên bảng  - Phương tiện: Bảng/ Bảng phụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ, trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 - 2 nhóm học sinh trình bày ý kiến của mình, các nhóm học sinh khác nhận xét, góp ý.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt ý và giới thiệu bài học. | | ***Gợi ý một số thông tin có thể chia sẻ cho HS:***  **+ Người điên:** thường nói năng lung tung, giao tiếp không theo nghi thức lời nói, hành vi kì lạ,…  ***+* Người bình thường** tỉnh táo thì không như thế.  **+ Người giả điên:** cố tình làm ra vẻ nói năng lung tung, gioa tiếp không theo nghi thức lời nói, hành vi kì lạ,…nhưng thỉnh thoảng cũng vô tình để lộ sự tỉnh táo của mình khiến có thể bị phát hiện đang giả điên. | |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | |
| **NỘI DUNG 1. TÌM HIỂU CHUNG**  **a. Mục tiêu:** HS kích hoạt kiến thức nền về tác giả, tác phẩm, đoạn trích  **b. Nội dung:** HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS trên Phiếu học tập 1  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào phần chuẩn bị trước ở nhà, hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nội dung vở kịch, vị trí của VB (trích).  **- Hoạt động nhóm đôi**:  + Đọc thông tin  + Chú ý các từ ngữ khó  + Tóm tắt các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.  + Hoàn thành **Phiếu học tập 1**.  - **GV cho xem phim:** Tóm tắt cốt truyện Kịch Hamlet.  + Hoàn thành **Sơ đồ tóm tắt Hăm-lét (*Theo mẫu)***  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân: hoàn thành Phiếu học tập 1  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản. | | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **1. Tác giả:** Sheakespeare:  **SGK/ 126**  **2. Hăm-let (Hamlet):**  **-** Được viết vào khoảng năm 1601  **- Thể loại:** Bi kịch  **- Gồm:** 5 Hồi  - Kịch bản phỏng theo một truyện dân gian Đan Mạch và *Câu chuyện bi thảm thứ năm* của nhà biên soạn Pháp - Belleforest: thái tử Amlet (Amleth) phải giả điên để tìm cách báo thù cho cha, vì người chú ruột đã giết cha chàng, lấy mẹ chàng và cướp đoạt ngôi vua. Nhưng Sếch-xpia đã thể thiện chủ đề tư tưởng riêng.  **3. Văn bản: *Sống hay không sống* – đó là vấn đề**  **- Vị trí:** Trích Hồi III – Cảnh I vở kịch Hăm-let của Sếch-xpia.  **- Nội dung:** Hăm-lét giả điên để che giấu những suy nghĩ và toan tính liên quan đến cái chết đột ngột của vua cha và hành động ám muội của Clô-đi-út. |
| **NỘI DUNG 2. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **NHIỆM VỤ 1: TÌNH THẾ CỦA HĂM-LET VÀ MỤC ĐÍCH GIẢ ĐIÊN CỦA CHÀNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *cốt truyện*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *cốt truyện.*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về: *cốt truyện*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập** **1**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **- HS:** Đọcphần tóm tắt cốt truyện kịch trong SGK và theo dõi lời thoại của một số nhân vật ở phần đầu của VB (trước phần độc thoại của Hăm-lét) để rút ra nhận định về tình thế của Hăm-lét dẫn đến việc giả điên của chàng.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lưu ý 2 sự kiện khi đọc phầm tóm tắt cốt truyện kịch trong SGK  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 - 2 nhóm học sinh trình bày ý kiến của mình, các nhóm học sinh khác nhận xét, góp ý.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt ý. | | | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. TÌNH THẾ CỦA HĂM-LET VÀ MỤC ĐÍCH GIẢ ĐIÊN CỦA CHÀNG**  **PHIẾU HỌC TẬP 2** |
| **NHIỆM VỤ 2: XUNG ĐỘT TRONG VĂN BẢN VÀ NHỮNG GIẰNG XÉ NỘI TÂM CỦA HĂM-LÉT**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *xung đột kịch*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *xung đột kịch*.  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: xung đột*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập** **3**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS hoạt động nhóm đôi:**  **+** Xung đột trong văn bản là gì?  + Hăm-let có những giằng xé nội tâm như thế nào?  + Tác dụng của việc thể hiện những giằng xé nội tâm của Hăm-lét là gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **2. XUNG ĐỘT TRONG VĂN BẢN VÀ NHỮNG GIẰNG XÉ NỘI TÂM CỦA HĂM-LÉT**  **a. Xung đột trong văn bản**  **Phiếu học tập 3a**  **b. Xung đột trong Văn bản trích và trong nội tâm Hăm-lét**  **Phiếu học tập 3b** |
| **NHIỆM VỤ 3: NGÔN NGỮ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *lời thoại và hành động kịch*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *lời thoại và hành động kịch*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: lời thoại và hành động kịch*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS hoạt động nhóm**  **+ NHÀ NGÔN NGỮ**  **+ CHUYÊN GIA HÀNH ĐỘNG**  - Phân tích đoạn độc thoại nội tâm của Hăm-lét và những lời đối thoại của chàng với O-phê-li-a.  - Nhận xét về nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của các nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **3. NGÔN NGỮ VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT**  **a. Lời độc thoại của Hăm-lét**  **- Bố cục: tương tự một bài luận**  **+ Mở: *Nêu vấn đề*** (phân đoạn **[1]**)  **+ Thân: *Giải quyết vấn đề***( các phân đoạn **[2], [3], [4], [5]** )  **+ Kết: *Kết luận vấn đề*** (phân đoạn **[6]** )  **b. Nghệ thuật xây dựng độc thoại, đối thoại:**  **- Độc thoại của Hăm-let:** Màn độc thoại nội tâm sâu sắc, Đậm chất triết học và tính trí tuệ.  - **Câu độc thoại của Clô-đi-út**: có tác dụng lật tẩy, chiếc “mặt nạ” được kéo xuống để phơi bày tội ác, tâm địa và cả nỗi hoang mang, sợ hãi của y.  - **Ngôn ngữ đối thoại:**  + thể hiện được một cách sinh động tính cách từng nhân vật  + thể hiện tính hành động mạnh mẽ  c. **Hành động kịch:**  + Hành động bên trong  + Hành động bên ngoài  \* **Nhận xét sự khác biệt con người qua hành động bên trong – hành động bên ngoài.**  Trong cuộc chiến sinh tử, các nhân vật thuộc về 2 phe đối lập đều phải dùng mặt nạ để che giấu động cơ, ý đồ cũng như con người thực của mình. |
| **NHIỆM VỤ 4: CHỦ ĐỀ VÀ THÔNG ĐIỆP CỦA VĂN BẢN** | | | |
| **a. Mục tiêu hoạt động**:  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: *chủ đề và thông điệp*  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến câu hỏi về: *chủ đề và thông điệp*  - Học sinh thảo luận, trình bày tìm hiểu về*: chủ đề và thông điệp*  **c. Sản phẩm:**  Học sinh hoàn thiện **Phiếu học tập**  **d. Tổ chức hoạt động** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Xác định chủ đề và cho biết thông điệp của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **4. CHỦ ĐỀ VÀ THÔNG ĐIỆP CỦA VĂN BẢN**  **a. Chủ đề:** Niềm băn khoăn về vấn đề “sống hay là không sống” của Hăm-let và việc giả điên của chàng  **b. Thông điệp:** mỗi người cần phải vượt lên trên thách thức của hoàn cảnh, chọn cho mình một thái độ sống cao quý, một cách hiện hữu xứng đáng trong cuộc đời. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Trắc nghiệm củng cố kiến thức về thể loại và đặc trưng thể loại.  - Rút ra những lưu ý khi đọc KỊCH BẢN VĂN HỌC.  - HS biết viết đoạn văn liên hệ từ đọc đến viết.  **b. Nội dung:** HS thực hiện theo hướng dẫn của GV  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, Đoạn văn của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS trả lời trắc nghiệm liên quan đến Thể loại và đặc điểm thể loại.  - HS Rút ra những lưu ý khi đọc KỊCH BẢN VĂN HỌC  - HS Viết đoạn văn  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** hoàn thành các Phiếu học tập  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | **\* TRẮC NGHIỆM (Phụ lục)**  **\* LƯU Ý KHI ĐỌC KỊCH BẢN VĂN HỌC**  **- Đọc hiểu Nội dung:**  Phát hiện, phân tích rõ xung đột, kiểu xung đột  🡪 Xác định chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  **- Đọc hiểu Hình thức:**  - Cách dẫn dắt xung đột, kiểu xung đột  - Cách khắc hoạ tính cách nhân vật kịch qua HĐ bên trong, HĐ bên ngoài  - Cách sử dụng ngôn ngữ của nhân vật kịch  **\* TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT**  Từ việc đọc 2 văn bản bi kịch “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài”, “*Sống hay không sống – đó là vấn đề*”, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: ***Thanh niên ngày nay nên chọn lí tưởng sống như thế nào?*** |
| **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Bài tập sáng tạo  **b. Nội dung**: lựa chọn một trong 2 văn bản đã học  **c. Sản phẩm:** Vở diễn trên sân khấu  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS biết hợp tác thành lập nhóm kịch sân khấu hóa tác phẩm bi kịch.  - biết chọn một phần hoặc toàn phần của một trong 2 văn bản vĩnh biệt cửu trùng đài, sống hay không sống đó là vấn đề để xây dựng kịch bản sân khấu hóa  - Nêu được dự định chọn vai nhân vật để tham gia diễn xuất hàng sân khấu hóa của nhóm và giải thích lý do.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Xây dựng kịch bản sân khấu hoá (một phần hoặc toàn phần) một trong 2 VB Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài, Sống hay không sống – đó là vấn đề.  - trao đổi trong nhóm để nhận vai nhân vật (chủ động nhận vai hoặc nhận vai trên cơ sở phân công của nhóm) theo kịch bản đã xây dựng để tập luyện và thực hiện vở diễn.  Trình bày ý kiến cá nhân về dự định chọn vai nhân vật để tham gia diễn xuất màn sân khấu hóa của nhóm và giải thích lý do.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | | | Vở diễn trên sân khấu |

**PHỤ LỤC**

A white sheet with a person on it

Description automatically generated with medium confidence

A screenshot of a phone

Description automatically generated

A screen shot of a cellphone

Description automatically generated

A screenshot of a cell phone

Description automatically generated

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống…để hoàn tất đoạn văn sau:

*Bi kịch là thể loại………………… tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những…………………… cao đẹp của con người với tình thế…………….. của thực tại, dẫn tới sự…………. hay……………. của nhân vật.*

1. Kí, cái tôi, tự sự, trữ tình, sự kiện, cảm xúc
2. Văn học dân gian, văn vần, tự sự, trữ tình
3. Cung cấp thông tin, sinh động, hiệu quả
4. **Kịch, khát vọng, bi đát, thảm hại, cái chết**

**Câu 2.** Loại yếu tố nào sau đây **không** **phải** là biểu hiện của hành động bên ngoài trong văn bản kịch nói chung, văn bản bi kịch nói riêng?

1. **Lời nói của nhân vật**
2. Sự chuyển biến nội tâm của nhân vật
3. Cách cư xử của nhân vật
4. Hoạt động của nhân vật

**Câu 3.** Dạng xung đột nào sau đây không phải là xung đột trong văn bản bi kịch?

1. **Xung đột giữa cái thấp kém với cái thấp kém**
2. Xung đột giữa cái cao cả với cái cao cả
3. Xung đột giữa các cao cả với cái thấp kém
4. Xung đột giữa khát vọng cao cả với số phận khắc nghiệt

Ngày soạn….

Tiết:………

**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: CHÍ KHÍ ANH HÙNG**

* **Nguyễn Công Trứ -**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**

* Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp đối, chủ thể trữ tình.
* Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản
* Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc, thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

1. **Năng lực**
2. **Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng***

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản ***Chí khí anh hùng***

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất**

- Ca ngợi lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Chuẩn bị của giáo viên**

* Giáo án
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* Tranh ảnh về nhà văn hình ảnh
* Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

1. **Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ Văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn bài học, vở ghi.
2. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
3. **Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học ***Chí khí anh hùng***
2. **Nội dung:** GV tổ chức cho HS chia sẻ về vai trò của người làm trai trong xã hội và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và đáp án về vai trò của người làm trai trong xã hội.
4. **Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

* GV đặt câu hỏi gợi mở: Theo em, người làm trai trong xã hội phải làm những việc gì?
* GV mở đoạn video, hình ảnh về những việc làm của người con trai trong xã hội xưa và nay....

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS lắng nghe yêu cầu của GV, xung phong chia sẻ những việc làm của người con trai trong xã hội

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

* GV mời một số HS nêu câu trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

* GV nhận xét đánh giá
* GV dẫn dắt vào bài: *Nguyễn Công Trứ từng có câu thơ rất hay: Đã mang tiếng ở trong trời đất/ Phải có danh gì với núi sông”. Thật vậy, người con trai sinh ra trên đời phải đầu đội trời, chân đạp đất, phải có ý chí tung hoành ngang dọc bốn phương để giúp nước, giúp đời. Vậy trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem chí anh hùng của người làm trai qua* ***Bài Chí khí anh hùng****.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Đọc văn bản**

**1.1. Tìm hiểu khái quát:**

1. **Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại và đọc văn bản ***Chí khí anh hùng.***
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng.***
3. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản ***Chí khí anh hùng.***
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà theo **phiếu học tập 1**:     *+ Hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Công Trứ và tác phẩm Chí khí anh hùng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin trong SGK, hoặc hiểu biết của bản thân chuẩn bị trình bày trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  Dự kiến sản phẩm: HS tóm tắt về nêu vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1***. ***Tác giả***:  - Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858), là một trong những nhà thờ tiêu biểu của nước ta trong nửa đầu thế kỉ XIX.  - Ông là một nhà nho, văn võ song toàn, có tài kinh bang tế thế.  - Về mặt thơ văn, những bài thơ viết theo thể hát nói của ông cho ta thấy một tâm hồn khoáng đạt, một cốt cách mạnh mẽ hào hùng, rất độc đáo.  ***2. Văn bản:***  - Nguyễn Công Trứ có 1 số bài thơ nổi tiếng như: *Bài ca ngất ngưởng, Đi thi tự vịnh, Tự thuật….*  - Trong đó, văn bản *Chí khí anh hùng* thuộc thể loại hát nói.  - Nội dung: Lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: có chí lớn tung hoành ngang dọc bốn phương, giúp nước, giúp đời và để lại tiếng thơm lưu danh sử sách.  - Bố cục  + 8 dòng thơ đầu: Quan niệm về chí anh hùng của đấng nam nhi  + 4 dòng tiếp theo: đường đời quân tử trải qua đôi khi có những biến động, thử thách bắt buộc phải đối mặt để vượt qua.  + 3 dòng thơ cuối: Người quân tử khi đã trả xong nợ tang bồng, lập được công danh sự nghiệp thì có quyền được thảnh thơi vui sướng bầu bạn cùng rượu và ngắm nhìn trăng thanh gió mát, đó cũng chính là một cách để hưởng lạc. |

**1.2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được văn bản *Chí khí anh hùng*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Chí khí anh hùng*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Chí khí anh hùng*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Quan niệm của chủ thể trữ tình về chí anh hùng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà với **Phiếu học tập số 2:**  *+ Chủ thể trữ tình trong bài thơ quan niệm như thế nào về chí anh hùng?*  *+ Theo em, cách thể hiện quan niệm ấy trong tám dòng thơ đầu, bốn dòng thơ tiếp theo và ba dòng thơ cuối có gì khác nhau?*  - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Các nhóm thảo luận để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Dựa vào kiến thức và văn bản đã chuẩn bị ở nhà với **phiếu học tập số 3** hãy cho biết:  + *Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì*?  + *Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, và các yếu tổ vần, nhịp, âm điệu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm hứng ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** Các nhóm thảo luận để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện 1 nhóm lên bảng yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** GV nhận xét, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 3:** **Nuôi dưỡng chí anh hùng trong mỗi người**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * Dựa vào phần chuẩn bị tại nhà em hãy trả lời các câu hỏi sau đây:   *+ Không phải ai cũng có thể trở thành “anh hùng” nhưng đã là con người, ai cũng có thể có và nuôi dưỡng “chí anh hùng”. Bạn suy nghĩ thế nào về quan niệm trên?*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng yêu cầu của GV, sau đó thảo luận theo cặp để tóm tắt.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày phần tóm tắt trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***-*** GV chia HS thành các nhóm (4-6 HS), yêu cầu HS hoàn thành **phiếu học tập số 4:**  + *Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  *-* GV yêu cầu HS rút ra kết luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - HS rút ra kết luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - GV quan sát phần thảo luận của các nhóm, hướng dẫn, hỗ trợ (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV mời đại diện một số nhóm xác định nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét phần trả lời của nhóm bạn, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Quan niệm của chủ thể trữ tình về chí anh hùng:**  - Quan niệm về chí anh hùng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là: Người có chí anh hùng là người có chí lớn ở bốn phương, tung hoành giữa trời đất, ra sức phò vua, giúp nước, giúp đời. Ngoài ra còn phải đem tài năng của mình thi thố với thiên hạ, làm nên công danh sự nghiệp để lại tấm lòng son trong sử sách.  - Cách thể hiện quan niệm ấy:  + 8 dòng thơ đầu: nam nhi phải đầu đội trời chân đạp đất. Hơn nữa phải có chí bốn phương, tung hoành ngang dọc bốn phương, phải có cho mình một nghề nghiệp hoặc tài nghệ, tấm lòng phải rạng rỡ, không được làm gì sai với lẽ đời, có vay có trả sòng phẳng.  + 4 dòng tiếp theo: đường đời quân tử trải qua đôi khi có những biến động, thử thách bắt buộc phải đối mặt để vượt qua. Khi gặp loạn lạc, chuyện bất bình, người chí khí thì không ngại ra tay phân xử hợp tình hợp lí.  + 3 dòng thơ cuối: Ở đây nhà thơ đã mượn hình ảnh ẩn dụ để ý nói thi đỗ và sẽ lập được công danh. Và khi đó có quyền được thảnh thơi vui sướng bầu bạn cùng rượu và ngắm nhìn trăng thanh gió mát, đó cũng chính là một cách để hưởng lạc.  **2. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ**  - Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Đề cao lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: hết lòng giúp nước, giúp đời, để lại cho sự nghiệp lừng lẫy và tấm lòng son lưu vào sử sách.  - Tác dụng của cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố vần, nhịp, âm điệu trong việc thể hiện cảm hứng là:  + Hình ảnh kỳ vĩ lớn lao góp phần thể hiện sự lớn lao của lí tưởng khát vọng anh hùng.  + Từ ngữ, câu thơ cổ kính, trang trọng cho thấy quan niệm anh hùng của chủ thể trữ tình là sự phát huy truyền thống , đã trở thành lẽ sống, cảm hứng chung của bao thế hệ  + Nhịp thơ linh hoạt, khỏe khoắn: câu thơ co duỗi phóng túng, nhịp nhàng cùng với cách ngắt nhịp linh hoạt, khỏe khoắn, cách gieo vần liền luân phiên theo từng cặp rất đặc biệt của thể hát nói (vay- tây; bể - nghệ,…) giúp làm nên âm điệu hào hùng của một bài ca biểu dương lẽ sống cao đẹp.   * Tất cả các yếu tố trên góp phần thể hiện một tiếng nói, một giọng điệu tự tin, kiêu hãnh, hảo sảng… của một chủ thể trữ tình nhân danh đấng làm trai, luôn đầy ắp hùng tâm tráng trí. Đó là yếu tố làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của cảm hứng chủ đạo, chủ đề và hình tượng nghệ thuật trong bài thơ.   **3. Nuôi dưỡng chí anh hùng trong mỗi người.**  Đây là quan niệm đúng bởi để nuôi dưỡng “chí anh hùng” của bản thân là một lẽ sống ý nghĩa, lẽ sống ấy giúp con người ta sống tốt và hoàn thiện bản thân từ đó có thể phát triển bản thân thành con người có ích hơn cho xã hội.  **III. Tổng kết**   1. **Nội dung**   Bài thơ *“Chí khí anh hùng”* của Nguyễn Công Trứ đã nói lên một cách hào hùng về chí nam nhi, nợ tàng bồng của kẻ sĩ trong xã hội phong kiến. Là đấng nam nhi thì phải có chí vẫy vùng  quyết lập công, lập danh để tiếng thơm lưu danh ngàn đời. Nguyễn Công Trứ đã sống và hành động như một đấng trượng phu. Đặc biệt ông có công rất lớn trong việc di dân, lập ấp, khai khẩn đất hoang. Đó cũng chính là cách mà nhà thơ hiện thực hóa quan niệm của mình.  **2. Nghệ thuật**  - Giọng thơ lúc nhẹ nhàng, thư thái lúc hào hùng tràn đầy ý chí sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với đời, đã trang trải hết nợ tang bồng. - Ngôn ngữ thơ trang trọng cổ kính. Hình tượng thơ mang tính chất ước lệ tượng trưng.  - Nghệ thuật láy âm, điệp từ, luyến láy rất tài tình kết hợp các biện pháp tu từ ẩn dụ,... làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho bài thơ. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Vài nét chính về cuộc đời Nguyễn Công Trứ |  |
| Các tác phẩm tiêu biểu của ông |  |
| Thể loại văn bản *Chí khí anh hùng* |  |
| Bố cục văn bản *Chí khí anh hùng* |  |
| Nội dung chính văn bản *Chí khí anh hùng* |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Theo em, chí anh hùng nghĩa là gì ? |  |
| Chủ thể trữ tình trong bài thơ quan niệm như thế nào về chí anh hùng? |  |
| Theo em, cách thể hiện quan niệm ấy trong tám dòng thơ đầu, bốn dòng thơ tiếp theo và ba dòng thơ cuối có gì khác nhau? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là gì? |  |
| Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, và các yếu tổ vần, nhịp, âm điệu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm hứng ấy? |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu** | **Trả lời** |
| Nội dung |  |
| Nghệ thuật |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Chí khí anh hùng* đã học.

**b. Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Gv đặt câu hỏi: *Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi. Từ đó, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, dựa vào văn bản để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS cho mỗi câu để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

+ Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện ý chí anh hùng của đấng nam nhi là: “Vòng trời đất”, “dọc ngang ngang dọc”, “nam bắc đông tây”, “nợ tang bồng”, “trong bốn bể”, “thỏa sức vẫy vùng”, “mây tuôn sóng vỗ”, “buồm lái với cuồng phong”, “toan xẻ núi lấp sông”.

*+* Cảm hứng chủ đạo: ngợi ca, đề cao lí tưởng và chí khí anh hùng của đấng nam nhi: hết lòng giúp nước, giúp đời, để lại cho sự nghiệp lừng lẫy và tấm lòng son lưu vào sử sách.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về nội dung bài thơ, thực hành viết bài cảm nhận ngắn trên lớp.

**b. Nội dung:** GV chiếu đề, HS suy nghĩ, viết cảm nhận ngắn.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm viết của HS trên lớp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm chuẩn bị 5 – 7 phút cho bài cảm nhận ngắn của mình: *Tuổi trẻ thời hiện đại nên chọn lý tưởng sống như thế nào?*

*- GV gợi ý:* GV hướng dẫn HS viết các ý chính về những lý tưởng sống của giới trẻ hiện đại

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm chuẩn bị bài viết trong 5 – 7 phút, thực hiện nhanh trên lớp để GV đánh giá.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV đánh giá dựa trên ý tưởng sáng tạo của HS.

**4. Củng cố:**

**5. Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập bài *Chí khí anh hùng*.

+ Soạn bài: ***Thực hành tiếng Việt.***

Ngày soạn…………

Tiết: ……………..

**PHẦN 2: DẠY TIẾNG VIỆT**

**ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ VIẾT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

* **Học sinh**  Phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.
* **Học sinh thực hành** bài tập về những đặc điểm của ngôn ngữ viết.
* **Học sinh vận dụng** hiểu và sử dụng đúng, hay đặc điểm của ngôn ngữ viết
* **Học sinh vận dụng** hoàn thành bài tập đặc điểm của ngôn ngữ viết

**2. Về năng lực:** Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề thông qua hoạt động làm bài tập nhóm.

**3. Về phẩm chất**: Trân trọng và có tình yêu với Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, phấn, micro, máy tính, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**: GV đưa ra một số câu hỏi TN liên quan đến bài học  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức hoạt động: GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện trả lời nhanh  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV chốt lại đáp án  - Giáo viên dẫn dắt vào bài học | 1. **KHỞI ĐỘNG**   **Câu 1: Ngôn ngữ do ai tạo ra?**   1. Vận động kiến tạo của thiên nhiên 2. Do tự nhiên sáng tạo   **C. Chính con người tạo nên**  D. Thượng đế sáng tạo nên.  **Câu 2: Con người tạo ra ngôn ngữ nhằm mục đích gì?**   1. **Trao đổi thông tin, tình cảm.**   B. Thể hiện cảm xúc  C. Nghiên cứu thiên nhiên  D. Sáng tác văn học.  **Câu 3: Hoạt động giao tiếp nào không sử dụng ngôn ngữ dưới dạng lời nói?**  A. Phần thi ứng xử của hoa hậu  **B. Bài học trong SGK**  C. Trò chơi Ai là triệu phú .  D. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn  **Câu 4: Ngôn ngữ tồn tại chủ yếu ở dạng nào?**  A. Dạng nói và cử chỉ, điệu bộ.  B. Dạng viết và hệ thống kí tự.  **C. Dạng nói và dạng viết.**  D. Cử chỉ điệu bộ và hệ thống kí tự.  **Câu 5: Chọn từ thích hợp**  *“Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi ………...của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện…………..nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, về tình cảm, về hành động”.*  A. Thông tin, giao tiếp  B. Lời nói, ngôn ngữ  C. Thông tin, lời nói  **D. Thông tin, ngôn ngữ** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI, KỸ NĂNG MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** các đặc điểm của ngôn ngữ viết * **Học sinh** hình thành và nắm vững được các khái niệm về ngôn ngữ viết * **Học sinh vận dụng** hiểu và sử dụng ngôn ngữ viết đúng, linh hoạt và có hiệu quả cao.   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu tri thức về Tiếng Việt trong bài đặc điểm của ngôn ngữ viết   **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho HS thực hiện nhắc lại phần tri thức ngữ văn  - Khái niệm: ngôn ngữ viết là gì?  - Các đặc điểm của ngôn ngữ viết về:  + Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu  + Từ ngữ  + Câu  + Phương tiện hỗ trợ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc phần tri thức tiếng Việt và trả lời các câu hỏi để tìm hiểu tri thức của bài học  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ, trả lời câu hỏi  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | 1. **TRI THỨC TIẾNG VIỆT**   **1. Khái niệm:**  - Ngôn ngữ viết: Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác.  - Khi viết, người viết có điều kiện để chọn lọc các phương tiện ngôn ngữ; còn khi đọc, người đọc có điều kiện suy ngẫm, phân tích kỹ lưỡng   1. **Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết** 2. Phương tiện ngôn ngữ chủ yếu: Chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự. 3. Từ ngữ: Được chọn lọc, gọt giũa, phù hợp với từng phong cách, tránh sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương. 4. Câu: câu dài nhiều thành phần, được tổ chức chặt chẽ, mạch lạc. 5. Phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ: hình ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ… |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ, kiến thức Tiếng Việt để hoàn thành bài tập trong SGK  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  - BT1: HS làm tại nhà vào phiếu dướI đây, lên lớp trao đổi, chốt ý   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Ngôn ngữ viết** | **Ngôn ngữ nói** | | **Phương tiện thể hiện** |  |  | | **Từ ngữ** |  |  | | **Câu** |  |  | | **Phương tiện kết hợp** |  |  |   - BT2: HS làm theo nhóm đôi vào phiếu sau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | Câu a | Câu b | | **Phương tiện thể hiện** |  |  | | **Từ ngữ** |  |  | | **Câu** |  |  |   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành làm bài tập  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình, nhận xét, bổ sung bài tập của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | 1. **THỰC HÀNH**   **Câu 1: Đọc lại phần tri thức tiếng Việt, mục Tri thức Ngữ văn của bài này và Bài 3 để thực hiện bảng so sánh sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Ngôn ngữ viết** | **Ngôn ngữ nói** | | **Phương tiện thể hiện** | - Chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự. | - Âm thanh, Lời nói, ngữ điệu | | **Từ ngữ** | - Được chọn lọc, gọt giũa, phù hợp với từng phong cách, tránh sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương. | - Từ địa phương, khẩu ngữ, tiếng lóng, biệt ngữ, trợ từ, thán từ, các từ ngữ đưa đẩy, chêm xen… | | **Câu** | - Câu dài nhiều thành phần, được tổ chức chặt chẽ, mạch lạc. | Kết cấu linh hoạt (câu tỉnh lược, câu có yếu tố dư thừa…) | | **Phương tiện kết hợp** | - Hình ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ… | - Nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ |   **Câu 2: Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ viết được thể hiện trong các đoạn trích sau/ SGK 128**   1. - Về phương tiện: Được thể hiện bằng chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự.   - Về từ ngữ:  sử dụng hệ thống thuật ngữ được chọn lọc, liên quan đến thể loại bi kịch: mâu thuẫn, xung đột, giai cấp, nghệ thuật…  - Về câu: Câu dài được tổ chức rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhờ hệ thống từ ngữ có chức năng liên kết: thứ nhất, thứ hai   1. - Về phương tiện: Được thể hiện bằng chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự.   - Về từ ngữ:  sử dụng hệ thống thuật ngữ được chọn lọc, liên quan đến thể loại bi kịch: mâu thuẫn, xung đột…  - Về câu: Câu dài được tổ chức rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ nhờ hệ thống từ ngữ có chức năng liên kết: Tuy nhiên |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ: Giải nghĩa một số từ khó trong các văn bản  **b. Nội dung thực hiện:** HS trao đổi và thực hiện với các bạn trong nhóm  **3. Sản phẩm:** Phần đọc và **c**âu trả lời của HS.  Định hướng trả lời: *ở mỗi câu trả lời, HS cần liên hệ tri thức Ngữ văn đã tìm hiểu*  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện trình bày, thuyết trình  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | 1. **VẬN DỤNG**   **Câu 3: Điều chỉnh các câu dưới đây cho phù hợp với ngôn ngữ viết/ SGK 128**   1. Từ “hết sảy” chưa phù hợp với ngôn ngữ viết   -> Hôm nay, cô giáo em mặc một bộ áo dài rất đẹp.   1. Từ “kì cục”, “rối nùi” là khẩu ngữ   -> Hành động kì quặc của ông ấy khiến cả nhà cảm thấy rối bời.   1. Từ “mở tung”, “ tha hồ” chưa phù hợp với ngôn ngữ viết   -> Đường bay quốc tế đã mở nên du khách nước ngoài rất thuận lợi khi đến Việt Nam du lịch.   1. Tùy ngữ cảnh   -> Bà ấy đói quá nên ăn tất cả các món ăn trên bàn.  **Câu 4: Phân tích những đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích sau/ SGK 128**  - Văn bản là ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái hiện trong tác phẩm  - Văn bản là cuộc đối thoại giữa Vũ Như Tô và Đan Thiềm  - Các lời thoại đa dạng về ngữ điệu góp phần thể hiện thông tin, thái độ của người nói.  - Có từ ngữ mang tính khẩu ngữ: hớt hơ hớt hải, từ chỉ dẫn về cử chỉ, hiệu bộ: thở hổn hển, - Câu tỉnh lược: Việc gì phải trốn?… |
| **V. HOẠT ĐỘNG V: LIÊN HỆ, MỞ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ: viết đoạn văn NLXH thể hiện rõ đặc điểm của ngôn ngữ viết.  **b. Nội dung thực hiện:** HS làm bài ở nhà  **3. Sản phẩm:** Bài làm của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thực hiện tại nhà  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện viết bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | LIÊN HỆ, MỞ RỘNGTỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT **Câu hỏi:** Từ việc độc hai văn bản bi kịch trên đây, hãy viết đoạn văn( khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: Thanh niên ngày nay nên chọn lí tưởng sống như thế nào? trong đó lưu ý lựa chọn từ ngữ, câu văn phù hợp với ngôn ngữ viết.  **Bài tham khảo:**  Chúng ta không thể biết tương lai cuộc sống có những gì sẽ xảy ra. Chính vì thế, ta hãy sống trọn vẹn hiện tại, sống có ước mơ, lí tưởng để thấy rằng cuộc sống thật tươi đẹp và đáng sống. Vậy thế nào là lí tưởng sống? Lí tưởng sống chính là những suy nghĩ, hành động tích cực của con người, hướng đến những điều tốt đẹp và cao cả. Lí tưởng sống ảnh hưởng quan trọng đến suy nghĩ và hành động của giới trẻ đặc biệt là các bạn thanh niên hiện nay. Người có lí tưởng sống là những người biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình, nỗ lực hết sức để mong muốn đạt được những thành tựu cho riêng mình. Khi vấp ngã họ không chán nản, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy sau vấp ngã để đi tiếp con đường mình đã chọn. Họ cũng là những người biết yêu thương những người xung quanh, luôn muốn lan tỏa những thông điệp tích cực ra xã hội, làm cho xã hội này tốt đẹp hơn. Lí tưởng sống có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người. Khi chúng ta sống có lí tưởng, biết phấn đấu vươn lên, ta sẽ nhận được thành quả xứng đáng sau những nỗ lực, cố gắng. Ngoài ra, lí tưởng sống còn giúp chúng ta tôi luyện những phẩm chất quý giá: chăm chỉ, cần cù, lạc quan,… Nó cũng khiến chúng ta được người khác yêu thương, tin tưởng và học tập theo. Mỗi người học sinh chúng ta trước hết phải sống có ước mơ, hoài bão, nỗ lực học tập, trau dồi bản thân để thực hiện ước mơ đó. Bên cạnh đó, chúng ta cần sống chan hòa, yêu thương mọi người, bỏ qua cái tôi cá nhân để hướng đến cái ta chung để cống hiến nhiều hơn cho xã hội. Là một người công dân của tổ quốc, chúng ta cần cố gắng trở thành một người tốt, cống hiến những điều tốt đẹp cho xã hội. Quỹ thời gian của con người hữu hạn, chính vì thế, chúng ta hãy sống có ước mơ, lí tưởng để không lãng phí và không phải hối tiếc về sau. |

Ngày soạn…….

Tiết:…………..

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**ÂM MƯU VÀ TÌNH YÊU**

**Si-le (Sile/ Schiller)**

**Thời gian thực hiện: 0.5 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**2. Về năng lực:**

**2.1 Năng lực chung**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, năng lục hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm

**2.2 Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi và HS suy nghĩ trả lời

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV đặt câu hỏi: Hãy kể tên một số vở kịch mà em biết? Điều gì khiến em thích thú với vở kịch đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -Học sinh suy nghĩ trả lời  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -Học sinh chia sẻ câu trả lời của mình.  **B4. Kết luận, nhận định:**  -Từ những chia sẻ của học sinh, GV dẫn dắt vào bài học: *Âm mưu và tình yêu* của nhà văn Friedrich Schiller là một tác phẩm kinh điển trong văn học thế giới. Đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* đã vẽ nên toàn cảnh con người và xã hội trong một thời đại. Những con người nhỏ bé ấy tạo nên những mảng màu đặc sắc và đậm chất riêng biệt. Để hiểu thêm về thế giới ấy, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* của nhà văn Friedrich | -Câu trả lời của học sinh |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu đôi nét về tác giả và văn bản để hỗ trợ cho việc đọc đoạn *kịch Âm mưu và tình yêu*.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ học tập, HS sử dụng SGK và sử dụng kỹ năng đọc lướt để trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: Nêu một số nét cơ bản về tác phẩm: tóm tắt nội dung của đoạn kịch *Âm mưu và tình yêu* và vị trí đoạn trích.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thảo luận  **B3. Báo cáo thảo luận**  -Đại diện 1-2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. Yêu cầu HS gạch chân những ý chính vào SGK  -GV có thể giới thiệu thêm về tác giả Schiller: -Sile (1759-1805) là kịch tác gia vĩ đại, “viên công tố của toàn nhân loại đã kêu gọi loài người cùng hướng về trời sao”. Cùng với Gớt, Sile là một trong hai ngôi sao sáng trên bầu trời văn học Đức thế kỷ 18.  -Tác phẩm kịch gồm có: *Những tên cướp* (1780), *Âm mưu và tình yêu* (1784), *Người thiếu nữ ở Orleăng* (1801*), Tinhem Ten* (1804).... Sile đã xây dựng thành công những vở kịch có xung đột dữ dội, những nhân vật, tính cách điển hình thể hiện mãnh liệt khát vọng tự do và tinh thần bất khuất chống cường quyền bạo lực | 1. **Tìm hiểu chung** 2. **Tác giả:**   **- Johann Christoph Friedrich Schiller** ([1759](https://vi.wikipedia.org/wiki/1759)–[1805](https://vi.wikipedia.org/wiki/1805)), từ 1802 là **von Schiller**, phiên âm [**Tiếng Việt**](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) là **Si-le**. Ông là một nhà thơ, nhà viết bi kịch và triết gia người Đức.  - Ông được xem như là nhà viết bi kịch có tầm quan trọng nhất cùng với [Goethe](https://vi.wikipedia.org/wiki/Johann_Wolfgang_von_Goethe), [Wieland](https://vi.wikipedia.org/wiki/Christoph_Martin_Wieland) và [Herder](https://vi.wikipedia.org/wiki/Johann_Gottfried_Herder); là người đại diện quan trọng nhất của phong trào [Văn học cổ điển Weimar](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_c%E1%BB%95_%C4%91i%E1%BB%83n_Weimar&action=edit&redlink=1).  - Ông được mệnh danh là *"*[*Shakespeare*](https://vi.wikipedia.org/wiki/William_Shakespeare)*của*[*văn học Đức*](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_%C4%90%E1%BB%A9c)*"*.   1. **Tác phẩm: Âm mưu và tình yêu**   - Là tác phẩm mẫu mực về nghệ thuật bi kịch người Đức. Đoạn trích thuộc Hồi I – Cảnh 1 và Hồi II – Cảnh 2, tác phẩm *Âm mưu và tình yêu* thể hiện hành động đấu tranh bảo vệ tình yêu của Phéc-đi-năng và Luy-dơ.  -Tóm tắt: SGK/129 |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Âm mưu và tình yêu*.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Âm mưu và tình yêu*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hành động nhân vật, xung đột kich**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu nhóm HS (4-6 em) thảo luận và trả lời câu hỏi số 1 trong SGK/133  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện yêu cầu, thảo luận và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận**  -GV mời 1-2 nhóm HS đại diện trình bày kết quả chuẩn bị. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chủ đề và xung đột kịch**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi số 2 SGK/134 bằng hình thức cá nhân.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS suy nghĩ, vận dụng kiến thức đã học và phần chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  -GV gọi 1-2 HS trả lời  -Các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi nếu có.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Phân tích một số yếu tố của bi kịch: nhân vật, lời thoại, xung đột, sự kiện,...**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận thực hiện nhiệm vụ theo nhóm:  Nhóm 1: câu 3 trong SGK/134  Nhóm 2: câu 4 trong SGK/134  Nhóm 3: câu 5 trong SGK/134  Nhóm 4: câu 6 trong SGK/134  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  -GV có thể định hướng HS (nếu cần)  **Câu 3**: HS có thể chọn một trong hai nhân vật để phân tích. Phân tích nhân vật kịch khác với phân tích nhân vật truyện, chủ yếu tập trung phân tích một số biểu hiện của tính cách thông qua hành động (bên ngoài/bên trong) và động cơ thúc đẩy hành động của nhân vật. Riêng đối với nhân vật bi kịch, cần chỉ ra các biểu hiện cho tính chất cái cao hay thấp kém trong bản chất tính cách nhân vật.  **Câu 6**: GV nhắc HS thực hiện các thao tác sau:   1. Nắm vững đặc điểm của nhân vật bi kịch trong phần Tri thức Ngữ văn 2. Đọc lại tóm tắt tác phẩm, lưu ý kết cuộc trong câu chuyện kịch 3. Đọc lại VB kịch ở hai hồi (trích) và suy nghĩ cách trả lời câu hỏi.   Tùy góc nhìn và nội dung của từng hồi, cảnh mà bạn có thể chọn nhân vật và chứng minh nhân vật mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật bi kịch là Luy-dơ (Hồi I) hoặc Phéc-đi-năng (Hồi II). Tuy nhiên, nhân vật tiêu biểu nhất cho tính chất bi kịch vẫn là Phéc-đi-năng.  GV hướng dẫn HS dựa vào các đặc điểm sau để giải thích ý kiến:   * Có bản chất tốt đẹp, khát vọng vươn lên và thách thức số phận. * Có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá. * Kết cuộc phải trả giá đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời mình và những gì mình trân trọng (dựa vào kết cuộc nêu trong box tóm tắt tác phẩm)   **B3. Báo cáo thảo luận:**  -GV mời các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1.**  Bảng a. Những hành động giải bày, khẳng định tình yêu của Luy-dơ trong Hồi 1 – Cảnh 1   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống nảy sinh xung đột** | **Hành động của Luy-dơ** | | 1.Luy-dơ từ nhà thờ về nhà, ông Min-le không hài lòng khi biết Luy-dơ chưa thể quên Phéc-đi-năng. | Hồn nhiên bộc lộ nỗi nhớ và mong mỏi được gặp Phéc-đi-năng. | | 2.Ông Min-le dung tình cha con và lời lẽ thiết tha để thuyết phục Luy-dơ phải quên hẳn Phéc-đi-năng, tránh một kết cuộc không tốt. | Hồn nhiên bảo vệ tình yêu của mình với Phéc-đi-năng và cầu mong cha hiểu cho lòng mình; có lúc nàng đồng nhất tình yêu với những gì tốt đẹp nhất mà Chúa có thể ban tặng. | | 3.Luy-dơ dần chìm đắm vào đời sống nội tâm | Mỗi lúc một chìm sâu vào đời sống nội tâm với hình ảnh tiếng nói tưởng tượng. |   Bảng b. Những hành xoay quanh cuộc đáu tranh bảo vệ tình yêu và danh dự của Phéc-đi-năng trong Hồi II – Cảnh 2   |  |  | | --- | --- | | **Tình huống, xung đột** | **Hành động của Phéc-đi-năng** | | 1.Luy-dơ bị đau đớn, ngã ngất bởi sự nhục mạ của Van-te. | Phéc-đi-năng lao đến che chở cho Luy-dơ và tỏ rõ sự căm giận đối với cha mình. | | 2.Luy-dơ và ông bà Min-le bị Tể tướng Van-te uy hiếp, nhục mạ, hô hào nhân viên pháp đình bắt trói, tống giam, treo lên giá nhục hình,… | Phéc-đi-năng kháng cự lệnh của Tể tướng, đâm bị thương nhân viên pháp đình; tuyên bố kháng cự đến cùng và làm mọi cách bảo vệ Luy-dơ; ba lần nêu câu hỏi vừa cầu xin vừa thách thức: “cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?”. | | 3.Van-te vẫn “cương quyết không chuyển”. | Phéc-đi-năng tuyên bố sẽ dung đến phương kế của loài ma quỷ: tố giác bí mật tội ác của Tể tướng cho cả thành phố biết. |   Nhận xét:  -Ở bảng a, những hành động giải bày, khẳng định tình yêu của Luy-dơ cho thấy nàng là một hiện thân của một tình yêu rấ mực trong sáng, tha thiết, chân thành. Điều đặc biệt là Luy-dơ trước sau vẫn tỏ ra thánh thiện, kính Chúa, thương yêu cha mẹ và yêu Phéc-đi-năng với tất cả trái tim trinh nữ.  - Ở bảng b, những hành động xoay quanh cuộc đấu tranh bảo vệ tình yêu và danh dự của Phéc-đi-năng cho thấy chàng là một chàng sĩ quan cương nghị, trọng danh dự, sẵn sang làm tất cả để bảo vệ tình yêu và công lí.  - Mâu thuẫn – xung đột kịch:  Xung đột giữa người cha – viên tể tướng, là điển hình của tầng lớp quý tộc phong kiến già cỗi, tàn bạo, đề cao địa vị và quyền lực **><** người con – Phéc-đi-năng, là điển hình cho tầng lớp quý tộc và tư sản tiến bộ, giàu lí tưởng, trung thực.   * Đây là xung đột giữa cái ác và cái thiện, cao hơn là xung đột giữa ý thức hệ phong kiến lỗi thời, trì trệ với ý thức hệ của các lực lượng tiên tiến trong thế kỉ ánh sáng.   **Câu 2.**  - Nhan đề Âm mưu và tình yêu thâu tóm chủ đề của vở kịch. Chủ đề này bao gồm hai chủ đề nhỏ: chủ đề “âm mưu” và chủ đề “tình yêu”. Trong vở kịch, hai chủ đề nhỏ này gắn liền và bổ sung cho nhau; song, tùy theo các tổ chức kịch bản và ý đồ nghệ thuật của tác giả, hai chủ đề nêu trên được thể hiện trong các hồi, các cảnh với mức độ đậm nhạt khác nhau.  - Trong Âm mưu và tình yêu, Hồi I – Cảnh 1 (trích) tập trung vào chủ đề tình yêu; Hồi II – Cảnh 2 (trích) thể hiện cả chủ đề “tình yêu” và chủ đề “âm mưu”: âm mưu hủy hoại tình yêu, còn tình yêu thì bất khuất trước âm mưu. Đó là sự khác nhau trong cách triển khai chủ đề. Các chủ đề dù khác nhau nhưng vẫn liên hệ mật thiết trong quan hệ nhân quả và tiếp nối.  - Chủ đề ở Hồi I – Cảnh 1 chuẩn bị cho chủ đề ở Hồi II – Cảnh 2. Tình yêu được thể hiện ở Hồi 1 – Cảnh 1 càng trong sáng, tha thiết, chân thành thì âm mưu ở Hồi II – Cảnh 2 càng bỉ ổi, xung đột phát triển càng  gay gắt, căng thẳng,...  **Câu 3**  - Phéc-đi-năng (hiện thân cho cái cao cả) có những nét tính cách nổi bật như: có tình yêu mãnh liệt, chân thành; trọng danh dự; có ý chí đấu tranh; quyết liệt bảo vệ tình yêu và sự công bằng;...Những nét tính cách ấy được thể hiện qua việc Phéc-đi-năng cãi lại, thậm chí muốn cầm kiếm lên chiến đấu với cha để bảo vệ và cứu người chàng yêu. Tính cách của thiếu tá Phéc-đi-năng xung khắc mạnh mẽ với tính cách của tể tướng Phôn Van-te  - Tể tướng Phôn Van-te (hiện thân cho cái thấp kém), có thể chỉ ra một số nét tính cách như: có âm mưu đen tối, ích kỉ, đê hèn; hành động, nói năng ngang ngược, ngạo mạn; để đạt được mục đích riêng, sẵn sàng chà đạp, xúc phạm nhân cách của người khác,... tính cách của tể tướng Phôn Van-te xung khắc mạnh mẽ với tính cách của Phéc-đi-năng  => Nguyên nhân dẫn đến xung đột giữa hai nhân vật là người cha – Phôn Van-te ngăn cấm và châm biếm tình yêu của người con – Phéc-đi-năng.  **Câu 4.**  - Nhân vật Luy-dơ hiện lên trong vở kịch với những nét tính cách nổi bật: yêu Phéc-đi-năng tha thiết; có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu, người yêu; có tâm hồn thánh thiện, một lòng tin yêu cha mẹ và kính Chúa; số phận ngang trái, bị tể tướng – cha của người yêu đối xử thô bạo, tàn độc,…  - Diễn biến tâm lí của Luy-dơ tinh tế và phức tạp vì hiểu được số phận và tình yêu ngang trái trong hoàn cảnh oái ăm. Điều này được tác giả thể hiện qua cử chỉ, hành vi và qua đối thoại, độc thoại của Luy-dơ. (GV và HS có thể chọn phân tích một số lời thoại). => Qua diễn biến tâm lí, ngôn ngữ đối thoại, cử chỉ và hành động của Luy-dơ cho thấy cô là người thuộc phái yếu trong xã hội, là người yếu đuối và nhu nhược nhưng vẫn luôn giữ tình yêu thủy chung với Phéc-đi-năng.  **Câu 5.**  - Ngôn ngữ kịch chủ yếu là ngôn ngữ (đối thoại, độc thoại,…) của nhân vật, là ngôn ngữ biểu đạt hành động (bên trong và bên ngoài), kết hợp một cách chọn lọc với các chỉ dẫn sân khấu (của tác giả). Ngôn ngữ kịch trong *Âm mưu và tình yêu* cũng mang những đặc điểm trên nhưng đặc biệt giàu kịch tính, tạo tương tác qua lại và dẫn dắt xung đột kịch phát triển mau lẹ, hợp lí.  - Chẳng hạn ở Hồi I – Cảnh 1, trên sân khấu xuất hiện 3 nhân vật, có cả bà Mi-le và Luy-dơ nhằm tập trung thể hiện sự bất công sâu sắc giữa hai cha con. Trong đó, các lời thoại của ông Mi-le thường ngắn và có vai trò tạo cơ hội để Luy-dơ giãi bày tâm tình sâu kín cũng như quan niệm về tình yêu của mình, đồng thời tự bênh vực cho tình yêu ấy. Ngôn ngữ kịch dù vẫn thể hiện mâu thuẫn xung đột cần có, báo hiệu về một kết cuộc ngang trái, song vẫn thấm đẫm tính trữ tình. Đến Hồi II – Cảnh 2, ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật lại khác hẳn: đó đúng là một cuộc đấu khẩu dựa trên sự va đập quyết liệt trong tính cách của hai cha con Van-te và Phéc-đi-năng.  - Điều đó cho thấy sự đa dạng, linh hoạt trong cách xây dựng ngôn ngữ kịch của tác giả: hai kiểu kịch tính khác nhau được thể hiện bằng ngôn ngữ kịch mang đặc điểm, tính chất khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văm bản có nhiều chủ đề.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu đặc điểm của thể loại bi kịch

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**   1. Trong văn bản trên, nhân vật nào mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật kịch? Căn cứ vào đâu để bạn kết luận như vậy? 2. Nêu một số dấu hiệu giúp bạn nhận biết phần văn bản trên thuộc thể loại bi kịch.   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy trên giấy A0.  -GV trình bày sản phẩm của HS bằng kĩ thuật phòng tranh  **B3. Báo cáo thảo luận**  -HS cả lớp đi xem “triễn lãm” và có thể có ý kiến bình luận hoặc bổ sung  -HS khác đánh giá, nhận xét qua việc bình chọn sản phẩm mình ấn tượng  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, góp ý, đánh giá. | **Câu 6.**  Trong văn bản trên, nhân vật Thiếu tá Phéc-đi-năng là nhân vật mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật bi kịch. Thông qua tình huống truyện, có thể thấy Phéc-đi-năng là nhân vật có xuất thân quyền quý, chàng đã dung cảm và ngoan cuồng chống lại bạo quyền vì khát vọng tự do và hạnh phúc. Nhân vật này sẵn sàng hi sinh cả bản thân mình, thà chết cùng người mình yêu chứ không chịu khuất phục trước sự ngăn cấm của người cha.  **Câu 7.**  - Bi kịch là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật.  → Trong Âm mưu và tình yêu, bi kịch giữa khát vọng cao đẹp của con người chính là khát vọng được yêu, được bên cạnh người mình yêu của Phéc-đi-năng và Luy-đơ ><  tình thế bi đát của thực tại: sự ngăn cấm của người cha Tể tưởng vì cho rằng tình yêu của họ là không cân xứng, không môn đăng hộ đối.  - Xung đột bi kịch: Phéc-đi-năng sẵn sàng tự tay giết chết người mình yêu và tự sát hoặc đâm vào tể tướng chỉ để đấu tranh cho tình yêu chân chính của mình. Trước bạo quyền của người cha, Phéc-đi-năng vẫn một mực chống trả, đấu tranh để đòi lại tự do và hạnh phúc của mình. Bạo quyền đã bị đánh gục chỉ bằng một câu nói của Phéc-đi-năng. |

## Ngày soạn………..

Tiết:…………..

## **PHẦN 3: DẠY VIẾT**

## **VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH BẢN VĂN HỌC) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BỘ PHIM)**

## **(Thời gian thực hiện: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực tiếp thu, nhận diện kiểu bài.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Ti vi, bảng nhóm, Phiếu học tập,

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**2. Học liệu:** powerpoint, bảng kiểm, giáo án,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: *Em có yêu thích một bài thơ nào không? Hãy đọc bài thơ đó? Điều gì khiến em ấn tượng về bài thơ? Hay em có thích một bộ phim nào không? Kể sơ lược nội dung bộ phim? Em ấn tượng điều gì trong bộ phim đó?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe câu hỏi của GV, suy nghĩ để trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn vào bài học: *Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu kiểu bài và cách viết dạng bài:* **Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật** | **- Câu trả lời của HS** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc mục *Tri thức về kiểu bài* và thể hiện lại bằng sơ đồ tư duy. (xem lại yêu cầu đối với kiểu bài ở bài 3: *Khát khao đoàn tụ)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, đọc mục Tri thức về kiểu bài, thể hiện lại bằng sơ đồ tư duy *(Phiếu học tập số 1)*    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày sơ đồ tư duy trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức kiểu bài**  **1. Kiểu bài**  *Nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc bộ phim là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và một số nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm văn học (kịch bản VH) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bộ phim) đó.*  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài**  - Về nội dung:  Nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của *tác phẩm văn học hoặc bộ phim* dựa trên những lí lẽ xác đáng và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí lấy từ tác phẩm.  - Về hình thức:  Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết văn bản và kết hợp các thao tác lập luận hợp lí.  - Bố cục bài viết gồm 3 phần:   * Mở bài: giới thiệu vấn đề nghị luận (tên *tác phẩm văn học hoặc bộ phim,* tác giả; khái quát nội dung chính…), hoặc nêu định hướng của bài viết. * Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. * Kết bài: khẳng định ý kiến về giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc/người nghe. |

**Nội dung 2: Phân tích ngữ liệu tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về ngữ liệu tham khảo.

**c. Sản phẩm học tập:** Kiến thức HS nắm được về đặc điểm văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm đọc VB tham khảo trong SGK **Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô, Ám ảnh nước trong Mùa len trâu**  - GV lưu ý HS đọc bài viết lẫn các thông tin chỉ dẫn kèm theo; nhắc các em khi đọc, phải làm sao vừa bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức nghị luận.  - GV yêu cầu 3 nhóm sau khi đọc xong VB tham khảo, thảo luận để trả lời 3 câu hỏi ở cuối mỗi VB. (nhóm 1,2,3 trả lời văn bản **Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô, nhóm 4,5,6** trả lời văn bản **Ám ảnh nước trong Mùa len trâu.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm nghe yêu cầu của GV, đọc VB và thảo luận để trả lời câu hỏi cuối VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. | **II. Phân tích ngữ liệu tham khảo**  **Phân tích kiểu văn bản Xung đột trong bi kịch Vũ Như Tô**  **Câu 1**  - Vấn đề nghị luận: xung đột trong bi kịch của Vũ Như Tô.  **Câu 2**  Người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng sau:  - Lí lẽ 1: Vũ Như Tô, nghệ sĩ tài trời đã ngoại tứ tuần mà chưa làm nên sự nghiệp, đứng trước ngã rẽ: hoặc là từ chối thiên chức hoặc là tự sát hoặc là tuân lệnh và mượn tay Lê Tương Vục để thực hiện mộng lớn.  + Ông đòi vua của mình toàn quyền làm việc, kẻ nào tái lệnh chém bêu đầu. Công trình với năm vạn thợ bên trong và mười vạn thợ bên ngoài được so sánh với cuộc chiến tranh nước ngoài.  + Thể hiện ý kiến về hình tượng nước trong phim thông qua tác phẩm và giá trị hiện thực của người đạo diễn.  + Cái quyền sống của nhân dân bị hi sinh không thương tiếc trong cuộc chiến ấy được phát lên thành nhiều lần và từ nhiều miệng…  + …  - Lí lẽ 2: Nếu quan niệm hoạt động sáng tạo là sự thực hiện mệnh lệnh của cái đẹp và việc bảo vệ quyền sống và các quyền chính đáng khác của con người là sự thực hiện mệnh lệnh của cái thiện., thì trước chúng ta là cuộc xung đột khốc liệt giữa cái đẹp và cái thiện.  **Câu 3 (trang 136 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):**Bạn rút ra được lưu ý gì khi viết văn bản nghị luận về một vở bi kịch từ văn bản trên?  **Trả lời:**  - Khi viết văn bản nghị luận về một vở kịch cần lưu ý:  + Nêu được vấn đề cần nghị luận.  + Đưa ra các dẫn chứng, lí lẽ phù hợp, chính xác.  + Khẳng định lại luận đề sau khi phân tích.  **\* Phân tích kiểu văn bản Ám ảnh nước trong Mùa len trâu**  **Câu 1**  - Vấn đề nghị luận trong văn bản là: Nước trở thành hình tượng xuyên suốt Mùa len trâu, thành một thứ ngôn ngữ phim truyện riêng, độc đáo.  **Câu 2**  - Người viết trích dẫn ý kiến của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, đạo diễn phim Mùa len trâu và nhiều lần liên hệ đến tập truyện Hương rừng Cà Mau của Sơn Nam nhằm dụng ý:  + Đưa dẫn chứng cụ thể để làm rõ và xác thực quá trình chuyển thể từ truyện sang phim  + Thể hiện ý kiến về hình tượng nước trong phim thông qua tác phẩm và giá trị hiện thực của người đạo diễn.  **Câu 3**  - Giống: Nội dung và hình thức của 1 kịch bản văn học hoặc một tác phẩm phim truyện đều có nhiều khía cạnh, vấn đề có thể gợi lên một hay nhiều vấn đề cần bàn luận.  - Khác nhau:  + Văn bản nghị luận về một kịch bản văn học:  Nội dung chính: xung đột bi kịch và hành động trong bi kịch. Từ xung đột, cốt truyện và hành động của các nhân vật chính → Gửi gắm thông điệp về xã hội, vấn đề.  + Văn bản nghị luận về một tác phẩm phim truyện:  Nội dung chính thể hiện qua hình ảnh và hành động của nhân vật vì vậy ít chi tiết hơn là ngôn ngữ trong kịch. |

**Nội dung 3: Thực hành viết**

**a. Mục tiêu:** HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo quy trình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi GV đặt ra và thực hành viết theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phân nhóm, HS đọc lướt hướng dẫn chuẩn bị viết và thảo luận  + Nên lựa chọn tác phẩm kịch/ phim hoặc trích đoạn kịch/ phim như nào?  + Tác phẩm có thể có bao nhiêu khía canh/vấn đề nghị luận?  + Chọn vấn đề nào của tác phẩm để nghị luận?  - Gv hướng dẫn HS cách thực hiện các bước và HS vận dụng vào đề bài.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, thảo luận nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn rút ra kết luận.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -Sau khi HS nắm được các bước viết bài, GV giao đề bài cho HS bằng cách đọc to yêu cầu và ghi lên bảng: *Câu lạc bộ Văn học – Nghệ thuật của trường bạn tổ chức cuộc thi viết về Tác phẩm sân khấu – điện ảnh tôi yêu. Để tham gia, hãy viết văn bản nghị luận nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của một kịch bản văn học hoặc bộ phim mà bạn yêu thích.*  - GV yêu cầu HS theo dõi SGK/138 để nắm bố cục chung của kiểu bài, So sánh ngữ liệu Xung đột trong bi kịch “Vũ Như Tô” và “Ám ảnh nước trong “Mùa len trâu” để thấy sự khác biệt trong cách triển khai các luận điểm nghị luận về một kịch bản văn học và nghị luận về một bộ phim.  - GV yêu cầu HS lập dàn ý (hoàn thành phiếu học tập số 2)    - Thực hành viêt mở bài, kết bài  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu, thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đại diện nhóm trình bày dàn ý, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - HS xem lại và chỉnh sửa bài viết của nhóm, nhận xét bài viết của các nhóm khác trong lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá. | **III. Thực hành viết**  **Đề bài (trang 137 sgk Ngữ văn 11 Tập 1):**  Câu lạc bộ Văn học – Nghệ thuật của trường bạn tổ chức cuộc thi viết về Tác phẩm sân khấu – điện ảnh tôi yêu. Để tham gia, hãy viết văn bản nghị luận nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của một kịch bản văn học hoặc bộ phim mà bạn yêu thích.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  Khi xác định đề tài, nên lựa chọn tác phẩm kịch/ phim hoặc trích đoạn kịch/ phim có chủ đề rõ ràng, nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc, có độ dài vừa phải để phân tích.  • Nếu lựa chọn giới thiệu tác phẩm kịch, bạn có thể chọn một trong các văn bản như: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô); Sống hay không sống – đó là vấn đề (trích Hăm-lét); Âm mưu và tình yêu (trích Âm mưu và tình yêu);... hoặc một kịch bản văn học đã đọc.  • Nếu lựa chọn giới thiệu một bộ phim, bạn nên chọn tác phẩm có đề tài gần gũi và phù hợp với lứa tuổi, có giá trị nghệ thuật cao (được các tạp chí chuyên ngành đánh giá cao, đạt các giải thưởng phim có uy tín trong nước hoặc quốc tế). Nếu bộ phim chuyển thể từ tác phẩm văn học, bạn nên tìm đọc tác phẩm để có thể so sánh kịch bản và nguyên tác.  • Nội dung, hình thức của một kịch bản văn học/ bộ phim thường có nhiều khía cạnh/vấn đề, mỗi khía cạnh/vấn đề có thể gọi lên một hay nhiều vấn đề cần bàn luận. Trong khuôn khổ một bài nghị luận ở lớp 11, khó có thể phân tích đánh giá toàn diện về mọi mặt của tác phẩm, do vậy chỉ nên chọn nghị luận về một khía cạnh, vấn đề cụ thể. Chẳng hạn: với bi kịch Vũ Như Tô, bạn có thể tập trung vào xung đột bi kịch (như Ngữ liệu tham khảo 1); với phim Mùa len trâu chỉ tập trung vào hình ảnh nước (như Ngữ liệu tham khảo 2).  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Dựa vào bố cục chung về kiểu bài dưới đây để lập dàn ý:  IMG_256  So sánh ngữ liệu Xung đột trong bi kịch “Vũ Như Tô” và “Ám ảnh nước trong “Mùa len trâu” để thấy sự khác biệt trong cách triển khai các luận điểm nghị luận về một kịch bản văn học và nghị luận về một bộ phim.  **Bước 3: Viết bài**  **Bài văn tham khảo:**         Nguyễn Huy Tưởng một nhà tri thức giàu lòng yêu nước, nổi bật với thiên hướng khai thác đề tài lịch sử đặc biệt là kịch lịch sử. Là một con người yêu nước, yêu mến trân trọng lịch sử dân tộc nên các tác phẩm của ông được nhân dân đón nhận. Tác phẩm “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” là một tác phẩm thành công khi ông khắc họa rõ nhân vật Vũ Như Tô. Vũ Như Tô là một người tài giỏi, yêu nước muốn cống hiến cho quê hương đất nước nhưng lại hơi mù quáng với hoài bão của mình.  Vũ Như Tô là nhà kiến trúc sư chân chính, tài giỏi có tài “Tranh tinh xảo với hóa công”. Ông đã xây dựng được nhiều công trình kiến trúc tuyệt mĩ có tiếng đến vua quan và bị Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài - nơi để vui chơi, hưởng lạc với cung nữ. Vốn là con người chín chắn, gắn bó với nhân dân dù bị ép buộc, dọa giết nhưng ông quyết không đem tài năng cống hiến cho hôn quân. Sau khi được cung nữ Đan Thiềm - con người ham mê cái đẹp của nghệ thuật thuyết phục lợi dụng tiền của và quyền lực vua chúa để xây dựng cho đất nước tòa lâu đài vĩ đại cho dân ta “nghìn thu còn hãnh diện” nên ông mới đồng ý làm nên Cửu Trùng Đài.  Vũ Như Tô là con người có khát vọng nghệ thuật chân chính xuất phát từ thiên lương của một nghệ sĩ yêu mến cái đẹp và từ tấm lòng của người con yêu nước muốn đem tài năng cống hiến, điểm tô cho vẻ đẹp dân tộc nhưng đáng tiếc thay con người ấy, tài năng ấy lại đặt không đúng nơi, đúng thời và xa rời thực tế khi chà đạp lên tính mạng và quyền lợi của nhân dân. Để rồi cha đẻ của Cửu Trùng Đài phải trả giá bằng tính mạng cho đứa con tinh thần.  Khát vọng của Vũ Như Tô có phần chính đáng, cao đẹp, xuất phát từ thiên chức của người nghệ sĩ, từ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nhưng, khát vọng nghệ thuật ấy đã đặt nhầm chỗ, lầm thời. Giai cấp thống trị lúc đó quá xa hoa, thối nát, nhân dân đói khổ vì sưu thuế và xa thực tế dần. Vũ Như Tô đã phải trả giá bằng sinh mệnh của bản thân và cả công trình nghệ thuật.  **Bài 4: Xem lại và chỉnh sửa**  Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết kiểu bài này, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nên ở Bài 3. Khát khao đoàn tụ, có thể điều chỉnh một số tiêu chí cho phù hợp với đặc điểm của kiểu bài nghị luận về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hoàn thành bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**b. Nội dung:** HS tiếp tục viết bài văn văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài viết.  - GV lưu ý HS:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp tục hoàn thành bài viết. GV quan sát lớp, hỗ trợ HS.  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV mời 1 – 2 HS đọc một số đoạn văn phần thân bài trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá. | * Cách thức tiến hành viết bài như đã thực hiện khi viết bài văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật. * Tập trung phân tích, đánh giá sức biểu cảm của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật * Nêu rõ ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về những nét đặc sắc của văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật * Làm sáng tỏ các ý kiến nhận xét, đánh giá về chủ đề và nghệ thuật bằng việc trích dẫn các hình ảnh, chi tiết, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân. HS viết được bài nghị luận một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật khác.

**b. Nội dung:** HS viết hoàn chỉnh văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết hoàn chỉnh của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chỉnh sửa, kiểm tra lại bài văn theo bảng kiểm.  - Thực hiện ở nhà, sửa bài ở tiết sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, tiếp nhận yêu cầu của GV  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV một số HS nhận xét bài của một số học sinh. (tiết học sau)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá. | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Mở bài | Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật(tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...). |  |  | | Nêu nội dung khái quát cần nghị luận |  |  | | Thân bài | Xác định chủ đề, đề tài tác phẩm |  |  | | Phân tích, đánh giá chủ đề tác phẩm |  |  | | Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật, nội dung tác phẩm. |  |  | | Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Có lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. |  |  | | Kết bài | Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật |  |  | | Kĩ năng trình bày, diễn đạt | Sắp xếp luận điểm (lí lẽ và bằng chứng) hợp lí. |  |  | | Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc. |  |  | | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cấu của kiểu bài. |  |  | | Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ. |  |  | |

**4. Củng cố:**

**5. \* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại bài *Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật*

+ Soạn trước bài ***Nói và nghe.***

Ngày soạn:…….

Tiết: …

**PHẦN: DẠY NÓI VÀ NGHE**

**GIỚI THIỆU MỘT KỊCH BẢN VĂN HỌC HOẶC MỘT BỘ PHIM THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Biết giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học/một bộ phim

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**2. Về năng lực:**

Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

***3.* Phẩm chất**

- Biết trân trọng những sáng tác của các tác giả.

- Trung thực khi giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một kịch bản văn học/một bộ phim.

- Trung thực khi nghe, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người khác.

- Bồi đắp tình yêu văn học, nghệ thuật; nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Xem video**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chiếu cho HS xem một đoạn phim ngắn/1 vở kịch/ 1 bộ phim điện ảnh chuyển thể từ kịch bản văn học (VD: Romeo và Juliet, phần đoạn trích đọc hiểu). Yêu cầu HS theo dõi, sau khi xem xong bộ phim sẽ nêu ấn tượng về bộ phim.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**-** HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ.

**-** GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một số HS trình bày ý kiến.

- Các HS khác góp ý, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm học tập của HS:

- Bộ phim cho chúng ta thấy được điều gì?

- Giúp chúng ta nhận ra tình yêu, sức mạnh của tình yêu có thể chiến thắng mọi hận thù....

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**GV dẫn vào nội dung bài học:**

Cũng như khi xem một bộ phim, chúng ta có thể đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá về bộ phim đó. Khi đọc một kịch bản văn học, ta cũng có thể đưa ra những ý kiến phân tích và nhận xét của mình về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm kịch đó. Tức là chúng ta giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một kịch bản văn học/ một bộ phim mà chúng ta đã xem.

Vậy quy trình giới thiệu, đánh giá về một bộ phim hay một tác phẩm kịch như thế nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học nói và nghe hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các bước tiến hành bài nói nghe *Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.*

**b. Nội dung:** HS dựa vào gợi ý SGK để trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01: CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  **GIỚI THIỆU MỘT KỊCH BẢN VĂN HỌC HOẶC MỘT BỘ PHIM**  **THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN**  **Tên Vở kịch hoặc Bộ phim (đề tài):……………………………………………**  **HS thực hiện:……………………………………………**  **\*Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói**  Tôi thực hiện bài nói này nhằm mục đích:…………………………………..  Người nghe là:…………………………………………………………………  Không gian, thời gian nói:…………………………………………………….  Tôi sẽ chọn cách thuyết trình:…………………………………………………  **\*Tìm ý:**  1. Tên tác phẩm/ tác giả/ tên NXB/ năm xuất bản: (Đạo diễn, Biên kịch, năm sản xuất phim, của nước nào) ……………………………………………………………………………………  2. Một số ý về nhân vật, cốt truyện:…………………………………………….  3. Chủ đề, thông điệp của vở kịch/bộ phim………………………………….  4. Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc, tác dụng của chúng: ………………  5. Nhận xét, đánh giá về vở kịch/bộ phim:……………………………………………….  \***Lập dàn ý:**   |  | | --- | | **Giới thiệu về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim theo lựa chọn cá nhân:** | | - Thông tin về tác phẩm, tác giả, bối cảnh:…………………………………..  - Tóm tắt cốt truyện (mâu thuẫn, sự kiện gắn với các nhân vật chính, cách giải quyết mâu thuẫn):…………………………………………………………….  - Nêu những điểm nổi bật về nghệ thuật theo đặc trưng thể loại kết hợp với các bằng chứng tiêu biểu trong tác phẩm để chứng minh:…………………………  - Nêu chủ đề, thông điệp:……………………………………………………... | | - Nêu ý kiến nhận xét, đánh giá khái quát về nội dung và nghệ thuật: ………………… |   **\*Luyện tập:**  - Những cách trình bày bài nói hấp dẫn:…………………………………………….  - Dự kiến phần mở đầu:……………………………………………………….  - Dự kiến phần kết thúc:………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Chuẩn bị nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** **Bước 1 Chuẩn bị** **nói** gồm những thao tác nào?  - GV hướng dẫn HS hoàn thành **Phiếu học tập 01** để chuẩn bị cho bài nói.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS hoàn thiện **Phiếu chuẩn bị bài nói** (Phiếu học tập 01)  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức | **1. Bước 1: Chuẩn bị nói**  - Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Luyện tập.  - Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ cho bài thuyết trình (máy chiếu, tranh ảnh,…) |
| **Thao tác 2: Trình bày nói**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** Chia lớp thành 2 nhóm lớn, mỗi nhóm lần lượt trong thời gian 01 phút nêu ít nhất một cách thức để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị; nhóm nào đến giây cuối cùng vẫn nêu được ý tưởng không trùng lặp với ý trước đó thì là nhóm thắng cuộc.  - GV yêu cầu HS rút ra:  + *Theo em, để bài nói thuyết phục người nghe, em cần lưu ý gì khi trình bày bài nói?*  *+ Khi trao đổi với người nghe, em cần lưu ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **2. Bước 2: Trình bày bài nói**  \***Lưu ý khi trình bày bài nói:**  - Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.  - Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần:  + Giới thiệu tên và nội dung vở kịch/ bộ phim.  + Giới thiệu những điểm nổi bật về nghệ thuật, chủ đề, thông điệp của vở kịch/ bộ phim.  + Nhận xét, đánh giá kịch bản văn học/ bộ phim.  - Đưa ra các lí lẽ và bằng chứng tin cậy (trích từ văn bản).  - Sử dụng ngữ điệu linh hoạt, cử chỉ phù hợp, kết hợp sử dụng một số hình ảnh trực quan (nếu có).  - Di chuyển hợp lí trong không gian nói để có tương tác với người nghe, kết hợp tương tác bằng ánh mắt,… |
| **Thao tác 3: Trao đổi, đánh giá**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Theo em, nhiệm vụ của người nói trong bước trao đổi, đánh giá là gì?  - Đọc bảng kiểm (phía dưới) để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng giới thiệu, một kịch bản văn học/bộ phim, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm. Bảng kiểm này nên được sử dụng như thế nào cho hiệu quả?  - GV yêu cầu HS đặt câu hỏi về những nội dung các em chưa rõ trong quy trình nói.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận về những lưu ý cần thực hiện khi giới thiệu kịch bản văn học/bộ phim  - Giải đáp câu hỏi của HS (nếu có). | **3. Bước 3: Trao đổi, đánh giá**  \* **Trao đổi:**  **-** Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.  - Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.  \* **Đánh giá**: Dựa vào bảng kiểm GV cung cấp, hãy tự đánh giá phần trình bày của chính mình và góp ý cho bạn. |

**Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một kịch bản văn học/một bộ phim**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| ***Mở đầu*** | - Lời chào ban đầu và lời tự giới thiệu. |  |  |
| - Giới thiệu kịch bản văn học/một bộ phim: tên tác phẩm, tác giả (đạo diễn, biên kịch), xuất xứ: … |  |  |
| - Nêu khái quát về nội dung bài nói (có thể điểm qua các phần/ ý chính). |  |  |
| ***Nội dung chính*** | - Trình bày ý kiến đánh giá về chủ đề của tác phẩm. |  |  |
| - Trình bày ý kiến đánh giá về nghệ thuật của tác phẩm. |  |  |
| - Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. |  |  |
| - Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của người nói về tác phẩm. |  |  |
| - Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. |  |  |
| ***Kết thúc*** | - Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm. |  |  |
| - Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| - Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với nghe*** | - Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói. |  |  |
| - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói. |  |  |
| - Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| - Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

**Bảng kiểm kĩ năng nghe giới thiệu một kịch bản văn học/một bộ phim**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Chuẩn bị nghe** | Dự kiến những điều muốn trao đổi về kịch bản văn học/một bộ phim. |  |  |
| Đọc (xem) tác phẩm, tìm hiểu những tài liệu liên quan, chủ đề bài nói. |  |  |
| Chuẩn bị bút, giấy đề ghi chép. |  |  |
| **Lắng nghe và ghi chép** | Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ. |  |  |
| Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về kịch bản văn học/một bộ phim |  |  |
| Ghi lại câu hỏi về những điều chưa rõ trong khi nghe. |  |  |
| **Trao đổi, nhận xét, đánh giá** | Xác nhận lại quan niệm, ý kiến của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân. |  |  |
| Nhận xét, đánh giá những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Khẳng định sự đồng tình với ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất với quan điểm của người nói. |  |  |
| Nhận xét về cách trình bày bài nói. |  |  |
| **Thái độ và ngôn ngữ** | Thể hiện thái độ hợp tác, tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá. |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói. |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02: THỰC HÀNH NGHE**  **CUỘC THI: *NGƯỜI THUYẾT TRÌNH VỀ TRUYỆN/ KỊCH HAY NHẤT***  **(Thời gian………….. Địa điểm…………………..)**  Tên kịch bản văn học/bộ phim: …………………………………………………………………..  Người thực hiện nói:: ………………………………………………………………  **CHUẨN BỊ NGHE**  \*Những điều tôi tìm hiểu về kịch bản văn học/bộ phim mà người nói sẽ trình bày:  ………………..……………………………………………………………  ………………..……………………………………………………………  **LẮNG NGHE VÀ GHI CHÉP**   |  |  | | --- | --- | | Các thông tin chính của bài nói (*các từ khoá, ý chính*) | Nội dung ghi chép  *(ghi chép, diễn giải nội dung của thông tin chính)* | | - Ý kiến 1………………  - Ý kiến 2……………… | …………………………….  ……………………………... |   **TRAO ĐỔI VỚI NGƯỜI NÓI**  1. ……………………………………………………………………………  2. ……………………………………………………………………………  3. ……………………………………………………………………………….  **NHẬN XÉT VỀ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC BÀI NÓI**  (Dựa vào bảng kiểm GV cung cấp)  1. Về nội dung bài nói……………………………………………………………  ………………..…………………………………………………………………..  2. Về hình thức bài nói……………………………………………………………  ………………..…………………………………………………………………..  **KINH NGHIỆM RÚT RA CHO BẢN THÂN SAU KHI THAM GIA BUỔI TOẠ ĐÀM**  ………………..…………………………………………………………………..  ………………..…………………………………………………………………..  ………………..………………………………………………………………….. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng các kĩ năng nói và nghe vào thực hành nói giới thiệu kịch bản văn học/bộ phim; thực hành nghe và năm bắt ý kiến, quan điểm của người nói, nhận xét và đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **GV tổ chức cuộc thi:**  ***Người thuyết trình về một kịch bản/bộ phim hay nhất***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần giới thiệuvề một kịch bản/bộ phimcủa các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  (GV có thể để HS tự nguyện đăng kí nội dung thuyết trình trước tiết học. MC lên danh sách những người tham gia thuyết trình, thông báo các đề tài đã đăng kí trước tiết học để các HS khác tìm hiểu trước tiết nói – nghe.)  HS có thể giới thiệu, đánh giá về các phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện/ kịch hoặc chỉ tập trung vào một phương diện hoặc vấn đề nổi bật.  HS được tự do lựa chọn tác phẩm và đăng kí trước tiết học.  - GV hướng dẫn HS về yêu cầu chung và những chú ý khi thực hiện bài nói và lắng nghe sản phẩm.  - GV quy định rõ thời gian cho mỗi bài giới thiệu để HS không phải trình bày quá nhiều nội dung, tạo điều kiện cho nhiều HS được nói và có thể nói kĩ, nói sâu về một vài ý mà HS thực sự quan tâm, hứng thú.  - GV thông qua các hạng mục giải thưởng: *Bài giới thiệu hay nhất, Bài giới thiệu sáng tạo nhất, Bài giới thiệu được khán giả bình chọn, Câu hỏi hay nhất,…*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  **-** MC dẫn chương trình.  - Lần lượt các HS (đã đăng kí thuyết trình) lên trình bài bài giới thiệuVở kịch/Bộ phimmà mình tự chọn.  - Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào bảng kiểm kĩ năng nói và bảng kiểm kĩ năng nghe (mẫu phía trên)  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận:**  - Sau phần nói của mỗi HS, MC mời1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm của người nói.  Các HS khác quan sát, nhận xét cách thức thực hiện trao đổi, nhận xét, đánh giá của bạn mình theo các tiêu chí trong bảng kiểm.  - Sau tất cả các phần thuyết trình của các HS, tiến hành bình chọn và trao các hạng mục giải thưởng.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ:**  GV khen ngợi HS về khả năng giới thiệu, đánh giá sâu sắc, sáng tạo của HS về nội dung và nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình. | **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE:**  **Cuộc thi:**  ***Người thuyết trình về một kịch bản/bộ phim hay nhất***  **\*Yêu cầu chung:**  **- Người nói:**  **+** Dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.  + Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần.  + Phân tích, đánh giá, kết nối các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ với bài nói (thiết kế bài trình chiếu, sử dụng sơ đồ tư duy, tranh, ảnh minh hoạ, phần nhạc nền cho bài nói nếu thấy cần thiết).  **\* Chú ý:**  + Sử dụng các từ ngữ, các câu chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài nói, giúp người nghe dễ theo dõi. Ví dụ:  *Vở kịch/Bộ phim mà tôi muốn giới thiệu với các bạn có nhan đề……., được viết bởi….*  *Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong tác phẩm là………*  *Chủ đề tác phẩm là………… Tôi nhận thấy, qua tác phẩm này, tác giả muốn gửi gắm thông điệp về……….*  *Nét đặc sắc/ thành công nổi bật của tác phẩm này, theo tôi là…………….*  + Sử dụng giọng nói và ngữ điệu một cách thích hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết,…  + Sử dụng có hiệu quả các động tác cơ thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe và di chuyển vị trí một cách hợp lí.  + Các phương tiện phi ngôn ngữ như *hình ảnh về tác giả, tác phẩm; cuốn sách; sơ đồ tư duy về tác phẩm,…*(nếu có) cần được sử dụng với mức độ vừa phải, cốt để làm nổi bật vấn đề muốn nói.  **- Người nghe:**  + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn.  + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói.  + Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.  + Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình. |
| **GV hướng dẫn, dặn dò HS chuẩn bị phần Ôn tập** | |

**3. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực sáng tạo, sử dụng công nghệ thông tin để làm video clip giới thiệu Vở kịch/Bộ phim.

**b. Nội dung:** HS tiến hành làm sản phẩm video clip giới thiệu Vở kịch/Bộ phim**.**

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm video của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS làm một video clip trình bày nội dung, nghệ thuật một Vở kịch/Bộ phim dưới các hình thức:

+ Cá nhân HS tự quay video clip để giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim.

+ 2 HS quay clip cùng trao đổi về giới thiệu, trình bày nội dung, nghệ thuật của Vở kịch/Bộ phim, mỗi bạn sẽ đưa ra ý kiến trên một góc nhìn bổ sung hoặc đối lập về tác phẩm biến đoạn clip thành một talk-show trao đổi về của Vở kịch/Bộ phim đó.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**

HS dùng điện thoại di động quay video bản thân tự chia sẻ hoặc trao đổi, đối thoại với một bạn trong lớp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tải các clip lên nhóm Zalo hay Facebook của lớp để tất cả HS và GV đều có thể xem và bình luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của các HS.

Ngày soạn:……….

Tiết:…………..

**BÀI 5 - ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**1. Kiến thức:**

- Hs nắm vững và trình bày được các yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.

- Hs nắm được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và những lưu ý khi sử dụng ngôn ngữ viết.

- Hs biết trình bày được các lưu ý khi viết một văn bản nghị luận giới thiệu một kịch bản văn học hoặc một bộ phim..

- Hs chia sẻ được ý nghĩa của lẽ sống đối với mỗi người.

**2. Năng lực:**

**\*Năng lực chung:**

-Tự học tự chủ: chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ ở nhà, biết làm chủ cảm xúc của bản thân

-Giao tiếp, hợp tác: hiểu rõ nhiệm vụ, phối hợp với bạn hoàn thành nhiệm vụ

-GQVĐ và sáng tạo: Xác định được các thông tin liên quan đến bài học, thiết kế trình bày sản phẩm nhóm sản phẩm cá nhân khoa học và thẩm mĩ

**\* Năng lực đặc thù:**

* **Học sinh trình bày** các kiến thức về kịch bản văn học đã học
* **Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc sử dụng ngôn ngữ viết
* **Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết bài nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hay một bộ phim

**3. Phẩm chất**: HS biết liên hệ các vấn đề về ý chí, lí tưởng và lẽ sống cao đẹp của mỗi người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, bảng phụ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời của Hs

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu bảng: HS điền bảng K – W – L nhắc lại những kiến thức đã học trong chủ đề  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng phần trả lời của HS** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh trình bày** các kiến thức về kịch bản văn học đã học * **Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc sử dụng ngôn ngữ viết * **Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết bài nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hay một bộ phim   **b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **c. Tổ chức thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận. | |
| **VỀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ * Câu 1 – 2 – 3 HS thảo luận nhóm 6-8 HS (6 nhóm): nhóm 1,2 câu 1, nhóm 3,4 câu 2; nhóm 5,6 câu 3; làm trên bảng phụ. Thời gian: 15ph   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Giáo viên bốc thăm nhóm trình bày tuần tự các câu. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục |
| **VỀ KĨ NĂNG VIẾT – NÓI NGHE**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * Giáo viên giao nhiệm vụ   Câu 4 - 5. Gv chia lớp thành 2 dãy. Mỗi dãy là một nhóm lớn phụ trách 1 câu. HS thảo luận nhóm đôi trong mỗi nhóm để trả lời câu hỏi.  Thời gian: 6 ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi ngẫu nhiên (vòng quay random) một vài học sinh chia sẻ bài làm  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo đáp án ở phần phụ lục |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LIÊN HỆ - MỞ RỘNG**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Liên hệ các vấn đề ý nghĩa của lí tưởng sống trong cuộc sống của con người  **b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **c. Tổ chức thực hiện:** Học sinh viết bài viết ngắn | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ câu hỏi 6 (Hoàn thiện cá nhân): 5ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện chia sẻ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Gv gọi hs bất kì (theo vòng quay ngẫu nhiên…) để chia sẻ bào làm.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS |

***Phụ lục 1. Đáp án bài tập***

**Câu 1. Đọc lại các văn bản kịch đã học và điền thông tin phù hợp vào bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Cốt truyện** | **Xung đột** |
| **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** |  |  |
| **Sống hay không sống – đó là vấn đề** |  |  |
| **Âm mưu và tình yêu** |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Cốt truyện** | **Xung đột** |
| **Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài** | Xoay quanh hành động chính: Bạo loạn xảy ra, Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô đi trốn nhưng ông không nghe vì không tin là mình có tội, bị căm ghét thù oán. Khi hiểu ra sự thật thì đã muộn, Cửu Trùng Đài bị đốt, Vũ Như Tô đành chấp nhận ra pháp trường. | - Xung đột giữa Vũ Như Tô, Đan Thiềm  - Xung đột giữa quân khởi loạn và dân chúng, thợ xây đài – triều đình Lê Tương Dực và Vũ Như Tô.  - Xung đột giữa quân khởi loạn triều đình Lê Tương Dực. |
| **Sống hay không sống – đó là vấn đề** | Cho rằng cái chết của vua cha là đáng ngờ, Hăm-lét một mặt băn khoăn lựa chọn giữa “sống” hay “không sống”; mặt khác, giả điên và lên kế hoạch để điều tra sự thật; phía vua Clô-đi-út cũng nghi ngờ Hăm-lét và tìm cách đối phó với chàng. | - Xung đột giữa Hăm-lét - vua Clô-đi-út, hoàng hậu và bọn tay chân của Clô-đi-út.  - Xung đột giữa Hăm-lét - Ô-phê-li-a. 1 Xung đột giữa sống – không sống trong nội tâm Hăm-lét. |
| **Âm mưu và tình yêu** | Cho rằng tình yêu Luy-dơ và Phéc-đi-năng sẽ dẫn đến kết cuộc bất hạnh, nhạc công Mi-le khuyên Luy-dơ từ bỏ tình yêu. Nàng không nghe vì đã dành trọn tình yêu cho Phéc-đi-năng (Hồi I - Cảnh 1). Tể tướng Van-te, cha của Phéc-đi-năng không chấp nhận tình yêu Phéc-đi-năng Luy-dơ, tìm mọi cách ngăn cản. Mâu thuẫn giữa các bên trở nên gay gắt và phức tạp**.** | - Xung đột giữa âm mưu và tình yêu  - Xung đột giữa Luy-dơ – Mi-le.  Xung đột giữa Luy-dơ, ông bà Mi-le - Tể tướng Phôn Van-te.  - Xung đột giữa Thiếu tá Phéc-đi- năng - Tể tướng Phôn Van-te. |

**Câu 2. Kẻ bảng dưới đây vào vở, liệt kê một số hành động, lời thoại tiêu biểu, từ đó, khái quát tính cách của các nhân vật:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật chính** | **Hành động, lời thoại và tính cách** | |
| **Hành động, lời thoại** | **Tính cách** |
| **Vũ Như Tô** |  |  |
| **Hăm-lét** |  |  |
| **Phéc-đi-năng** |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật chính** | **Hành động, lời thoại và tính cách** | |
| **Hành động, lời thoại** | **Tính cách** |
| **Vũ Như Tô** | **Hành động**:  - Tin vào sự “quang minh chính đại” trong việc làm của mình, nghi ngờ lời khuyên của Đan Thiềm; vẫn nuôi hi vọng xây đài  - Khi hiểu ra sự thật, thể hiện sự tuyệt vọng, chấp nhận cái chết.  **Lời thoại**: “Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?”. | - Khát vọng sáng tạo nghệ thuật đến mê muội, ảo tưởng.  - Nhân cách cứng cỏi, sống tình | nghĩa với những người tri kỉ như Đan Thiềm. |
| **Hăm-lét** | **Hành động:**  - Đấu tranh nội tâm (đấu tranh với nghịch cảnh)  - Giả điên, chấp nhận sự hiểu lầm | của người yêu để tìm cho ra sự thật.  **Lời thoại**: “Sống hay không sống - đó là vấn đề” | - Can đảm đối mặt với bản thân và nghịch cảnh  - Coi trọng lương tri và sự thật. |
| **Phéc-đi-năng** | **Hành động**:  - Bảo vệ Luy-dơ đến cùng.  - Dùng lời nói và hành động quyết liệt chống trả những lời nói, hành động ngang trái của Tể tướng Phôn Van-te dù người đó là cha mình.  **Lời thoại**: “– Cha vẫn cương quyết không chuyển chăng?” hoặc: “Xin Chúa cao cả chứng giám cho tôi. Tôi đã dùng hết mọi phương tiện của con người, bây giờ tôi chỉ còn cách dùng đến một thủ đoạn của loài ma quỷ.” | - Trân trọng, tin tưởng ở tình yêu, người yêu.  - Trọng danh dự, công bằng.  - Can đảm, mạnh mẽ chống trả cường quyền bạo ngược. |

**Câu 3. Qua các văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài, Sống hay không sống – đó là vấn đề, Âm mưu và tình yêu, hãy làm rõ hiệu ứng thanh lọc của kịch.**

**Trả lời**

Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch được thực hiện qua những chấn động cảm xúc mạnh mẽ mà bi kịch gây nên trong tâm hồn khán giả:

- Cả ba VB bi kịch nếu trên đúng là đều đã mang lại cho người đọc/ người xem “những chấn động cảm xúc mạnh mẽ”: thương xót, lo lắng, ái ngại trước nghịch cảnh, kết cuộc bi đát, cái chết hoặc những mất mát khủng khiếp của các nhân vật Vũ Như Tô, Hãm-lét, Phúc-đi-năng/ Luy-do.

- Nhưng đó mới chỉ là hiệu ứng ban đầu và trên bề mặt. Sâu xa hơn, các vở bi kịch nếu trên đã khiến khán giả nhận ra, thức tỉnh và đồng cảm trước những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời; đau đớn trước sự huỷ diệt những giá trị đó. Từ đây, mỗi một khán giả có thể giải toả sự xótthương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn mình tới cái cao cả, và có thêm động lực phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.

**Câu 4. Khi sử dụng ngôn ngữ viết, chúng ta cần lưu ý những gì?**

**Trả lời**

**Câu 5. Cần lưu ý những điều gì khi viết văn bản nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hoặc bộ phim?**

**Trả lời:**

**Câu 6. Theo em, lẽ sống có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đời của mỗi người?**

**Trả lời:**

- Lẽ sống đóng vai trò xác định những điều đúng đắn: có lẽ sống đúng đắn tức là con người có một lối sống, quan điểm sống đúng và tốt đẹp.

- Lẽ sống giúp mang lại cho con người và xã hội niềm hạnh phúc chân chính. Lẽ sống đúng đắn sẽ tạo nên tinh thần lạc quan, yêu đời hơn cho dù có bất kỳ khó khăn, thử thách nào cũng luôn vui vẻ và vượt qua.